

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Loan
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ
VẬN TẢI PHÚC TRƯỜNG AN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Loan
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Ngọc Loan Mã SV: 1112401077
Lớp: QT 1505K Ngành: Kế toán- Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
 - Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.
 - Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2015 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh Thảo**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Vũ Thị Ngọc Loan

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Th.s Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

-Sinh viên Vũ Thị Ngọc Loan, lớp QT1505K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

-Đồng thời, sinh viên Loan rất chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

-Chương 2: Mô tả khá chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An. Số liệu được khảo sát năm 2015 khá phong phú và logic.

- Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An. Các kiến nghị được đánh giá có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.1 Một số khái niệm cơ bản	3
1.1.2 Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp.....	5
1.1.3 Cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	6
1.1.3.1 Kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh	6
1.1.3.2 Kết quả của hoạt động tài chính.....	6
1.1.3.3 Kết quả của hoạt động khác	6
1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	6
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	17
1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	17
1.2.4.2 Kế toán chi phí tài chính	19
1.2.5 Kế toán chi phí bán hàng.....	21
1.2.6 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.2.7 Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	25
1.2.7.1 Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	25
1.2.7.2 Kế toán chi phí hoạt động khác.....	26
1.2.8 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	27
1.2.9 Xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	
1.2.9.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	28
1.2.9.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	28
1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	29
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	30
1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ.....	31
1.3.3 Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.....	32
1.3.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	33
1.3.5 Hình thức kế toán máy	34

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI PHÚC TRƯỜNG AN.....	35
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.....	35
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển công ty.....	35
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.....	36
2.1.3 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.....	37
2.1.4 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	38
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.....	38
2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	39
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	39
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	44
2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	53
2.2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính của công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.....	59
2.2.3 Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	65
2.2.4 Tổ chức kế toán Chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	71
2.2.5 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	73
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI PHÚC TRƯỜNG AN	81
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.	81
3.1.1 Ưu điểm.....	81
3.1.2 Nhược điểm.....	82
3.2 Biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.	81

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	84
3.2.2 Yêu cầu và phương hướng để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	84
3.2.3 Biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	85
KẾT LUẬN	92

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Những năm gần đây nước ta đang trên đà phát triển, nền kinh tế chuyển mình rõ rệt, những công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó các doanh nghiệp phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp nói chung. Xác định doanh thu, chi phí là một công tác không thể thiếu trong mỗi chu kỳ kinh doanh vì nó có tính quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh là thành quả lao động cuối cùng, là mục tiêu sống còn của doanh nghiệp. Vì vậy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp cho nhà quản trị có cái nhìn đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp mình, từ đó đề ra các biện pháp và kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó và dựa trên cơ sở kiến thức tích lũy được trong thời gian học tập ở trường cùng với các kinh nghiệm học hỏi được trong quá trình thực tập ở công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An, được sự giúp đỡ tận tình của phòng kế toán, em đã chọn đề tài nghiên cứu: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An”** để làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

3. Kết cấu của khóa luận:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt dưới sự hướng dẫn tận tình của giảng viên Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo. Đồng thời, em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An đã tạo điều kiện để em hoàn thành khóa luận này.

Do thời gian tìm hiểu thực tế chưa nhiều và trình độ, kinh nghiệm có hạn nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Sinh viên

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.

1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Một số khái niệm cơ bản.

- Doanh thu: là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Doanh thu hoạt động tài chính: là khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu, tiền lãi, chênh lệch tỉ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán, thu từ chiết khấu thanh toán được hưởng, thu từ bán hàng trả chậm trả góp,...

- Thu nhập khác: là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được ngoài sản xuất kinh doanh thông thường như thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, số tiền doanh nghiệp thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, thu từ nhận tài trợ viện trợ,...

- Chi phí: là phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

Trong đó:

+ Giá vốn hàng bán: là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp đối với doanh nghiệp xây lắp; các khoản chi phí xăng xe, lệ phí, hao mòn,... đối với doanh nghiệp vận tải trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư

như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư,...

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí ở doanh nghiệp.

+ Chi phí bán hàng: là toàn bộ các khoản chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm chi phí nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí vật liệu phục vụ bán hàng; chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa; chi phí khác bằng tiền phục vụ công tác bán hàng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí về nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế đất, thuế môn bài; các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài.

+ Chi phí hoạt động tài chính: là các khoản chi phí, các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính bao gồm chi trả tiền lãi đi vay; lỗ từ bán chứng khoán; lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh; chênh lệch lỗ tỉ giá hối đoái; chi chiết khấu thanh toán cho người mua; tiền lãi do mua hàng theo hình thức trả chậm, trả góp.

+ Chi phí khác: là các chi phí khác phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ khi nhượng bán, thanh lý; chênh lệch giảm do đánh giá lại TSCĐ; chi phí cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng; số tiền doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Kết quả hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và các chi phí khác. Bao gồm:

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

+ Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.2 Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp.

Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh. Hoạt động trong doanh nghiệp có thể được phân loại như sau:

- Căn cứ vào cách thức phản ánh của Kế toán tài chính, các hoạt động trong doanh nghiệp được chia thành:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là những hoạt động thuộc các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ hay thương mại có liên quan đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Đây là hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp.

+ Hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư vốn vào một doanh nghiệp khác, một lĩnh vực khác với mục đích sinh lời của đồng vốn đầu tư. (Ví dụ như đầu tư vào thị trường chứng khoán, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết,...)

+ Hoạt động khác: là những hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp, những hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính. (Ví dụ như thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu nợ không chủ, biếu tặng, viện trợ,...)

Ý nghĩa: Trên cơ sở phân tích này, kế toán tiền hành chi tiết cho từng hoạt động, xác định doanh thu, chi phí của các hoạt động để xác định được kết quả, hiệu quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.

- Căn cứ vào mối quan hệ với Báo cáo kết quả kinh doanh, các hoạt động trong doanh nghiệp được chia thành:

+ Hoạt động kinh doanh: gồm hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính.

+ Hoạt động khác.

Ý nghĩa: Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp lựa chọn và thu thập được các thông tin có liên quan đến các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó xác định được doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng hoạt động, xác định được lợi nhuận trước thuế, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3 Cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.3.1 Kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh:

$$DT \text{ thuần từ HĐ tiêu thụ SP, HH, DV} = DTBH \text{ và CCDC} - \text{Các khoản giảm trừ DT}$$

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện qua chỉ tiêu lãi (lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

$$\begin{aligned} \text{Lãi (lỗ) từ hoạt động SXKD} &= \text{DT thuần từ HĐ tiêu thụ SP, HH, DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN} \end{aligned}$$

1.1.3.2 Kết quả của hoạt động tài chính:

Kết quả của hoạt động tài chính được thể hiện qua chỉ tiêu lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lãi (lỗ) từ HĐTC} = \text{Doanh thu thuần HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC}$$

1.1.3.3 Kết quả của hoạt động khác:

Kết quả của hoạt động khác được phản ánh qua chỉ tiêu lãi (lỗ) từ hoạt động khác. Nếu phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu này không loại trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; nếu phản ánh vào tài khoản kế toán sử dụng, khi xác định lãi (lỗ) từ hoạt động khác đã loại trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} \text{Lãi (lỗ) từ HĐ khác} &= \text{Thu nhập thuần khác} - \text{Chi phí khác} - \text{Chi phí thuế TNDN} \end{aligned}$$

1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Nguyên tắc kế toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính

thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỉ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần tính lãi trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

➤ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:

- Phản ánh và giám đốc kịp thời, chi tiết khối lượng hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra, tồn kho cả về số lượng, chất lượng và giá trị. Tính toán đúng đắn giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng của đơn vị, tình hình thanh toán tiền hàng, nộp thuế với Nhà nước.

- Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả bán hàng, đơn đốc, kiểm tra, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý.

- Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Xác định thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Báo cáo thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng nhằm giám sát chặt chẽ hàng hoá bán ra về số lượng và chủng loại.

- Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và tình hình luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý, tránh trùng lặp hay bỏ sót, không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Đơn vị lựa chọn hình thức sổ sách kế toán để phát huy được ưu điểm và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

- Xác định và tập hợp đầy đủ chi phí phát sinh ở các khâu.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán khác có liên quan như: Phiếu xuất kho bán hàng, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Gồm các tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 “Doanh thu bán hàng hóa”

+ Tài khoản 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm”

+ Tài khoản 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

+ Tài khoản 5114 “Doanh thu bán thành phẩm”

+ Tài khoản 5117 “Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”

+ Tài khoản 5118 “Doanh thu khác”

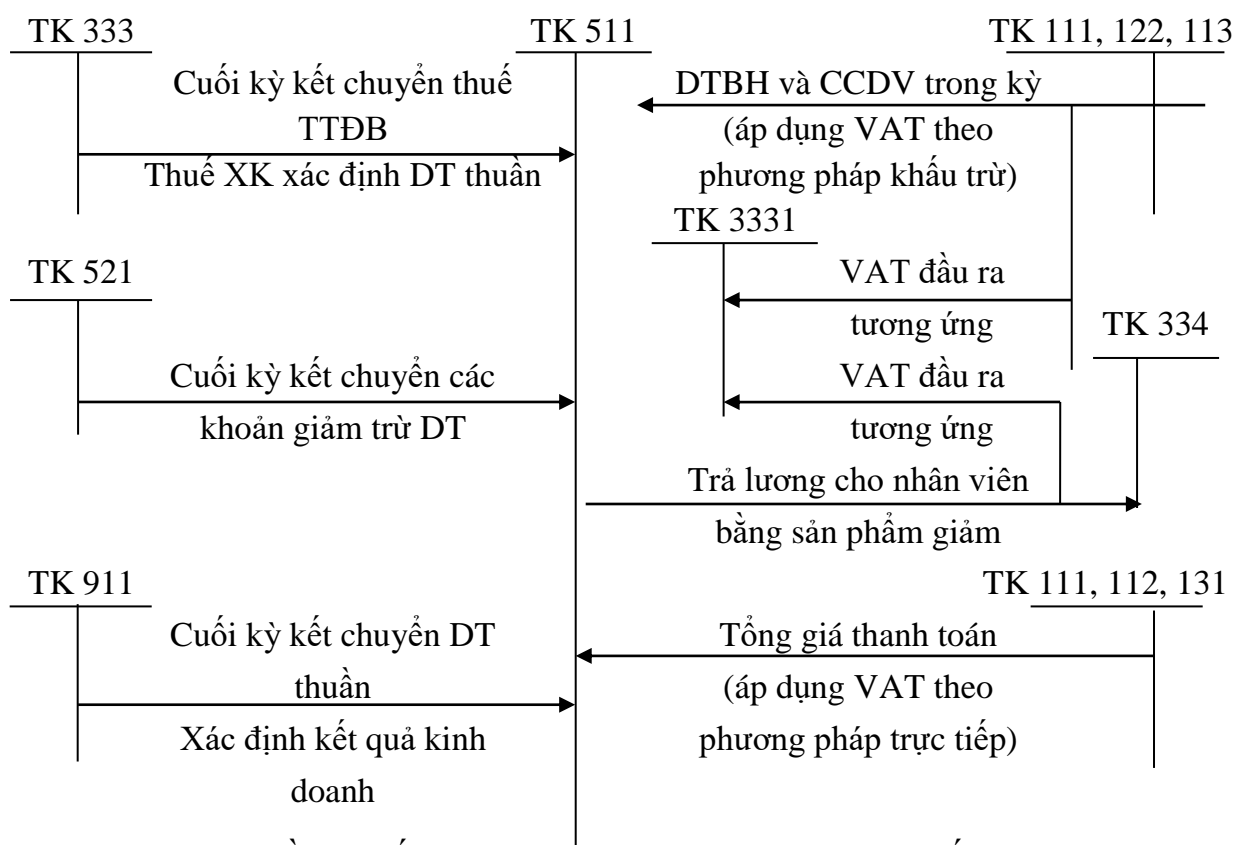
➤ Kết cấu tài khoản:

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Nợ	TK 511	Có
- Số thuế phải nộp tính trên doanh thu bán hàng trong kỳ. - Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán

(Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ).

➤ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:



Sơ đồ 1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên GTGT thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

- Thuế TTĐB được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp tự sản xuất thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế XK được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế XK. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm cả thuế XK phải nộp vào ngân sách nhà nước.

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng với số lượng theo lớn theo thỏa thuận.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém chất lượng.

- Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường, hợp đồng mua bán.

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng.

- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại,...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Với chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC, khi kế toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sẽ sử dụng tài khoản 521 “các khoản giảm trừ doanh thu” gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 “chiết khấu thương mại”: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Nợ	TK 5211	Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu kỳ báo cáo.	

(Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ)

- Tài khoản 5212 “hàng bán bị trả lại”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại vì các nguyên nhân vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém chất lượng, không đúng chủng loại, quy cách.

Nợ	TK 5212	Có
Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.		Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

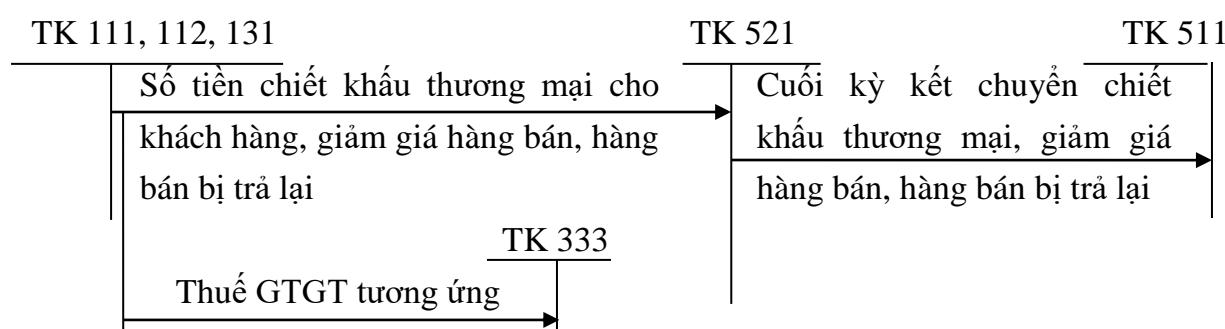
(Tài khoản 5212 không có số dư cuối kỳ)

- Tài khoản 5213 “giảm giá hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Nợ	TK 5213	Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo hợp đồng kinh tế.		Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511

(Tài khoản 5213 không có số dư cuối kỳ)

➤ Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:



Sơ đồ 1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của doanh nghiệp xây lắp bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán; cung cấp dịch vụ và tiêu thụ. Khi hàng hóa hoặc dịch vụ đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá vốn cũng được xác định theo. Do vậy xác định

đúng giá vốn có ý nghĩa quan trọng để doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn bán hàng giao thẳng
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Các chứng từ khác có liên quan
- Riêng đối với doanh nghiệp xây lắp hay vận tải, giá vốn thường được xác định thông qua định mức chi phí hay bảng kê và bảng tổng hợp chi phí bắt đầu từ khi ký kết hợp đồng đến khi xuất hóa đơn cho bên đối tác.

➤ Nguyên tắc hạch toán:

- Chi hạch toán giá vốn hàng bán, dịch vụ khi đã các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.
- Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

➤ Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá vốn hàng bán là giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của hàng A} = \frac{\text{Giá trị hàng A tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng A nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng A tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng A nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc kế toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới những phần hành khác. Ngoài ra phương pháp này chưa áp dụng thông tin kịp thời cho kế toán khi nghiệp vụ phát sinh.

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } i \text{ của hàng A} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } i \text{ của hàng A}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } i \text{ của hàng A}}$$

Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên.

Nhược điểm: Việc tính toán nhiều lần, phức tạp, tốn công sức. Phương pháp này được áp dụng ở những doanh nghiệp có chủng loại mặt hàng ít và lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Ưu điểm: Phương pháp này giúp cho chúng ta tính ngay được trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế lớn.

Nhược điểm: Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi trị giá sản phẩm, hàng hóa, vật tư đã có từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến chi phí cho việc hạch toán và khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho của lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tốt nhất vì nó tuân thủ các nguyên tắc kế toán: chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị của nó.

Tuy nhiên phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định thì mới áp dụng được phương pháp này. Với những doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng thì không áp dụng được.

- Phương pháp giá bán lẻ:

Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí thu mua hàng hóa trong kỳ được tính cho hàng hóa tiêu thụ trong kỳ và hàng hóa tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự).

➤ Tài khoản sử dụng: – Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” là tài khoản dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ.

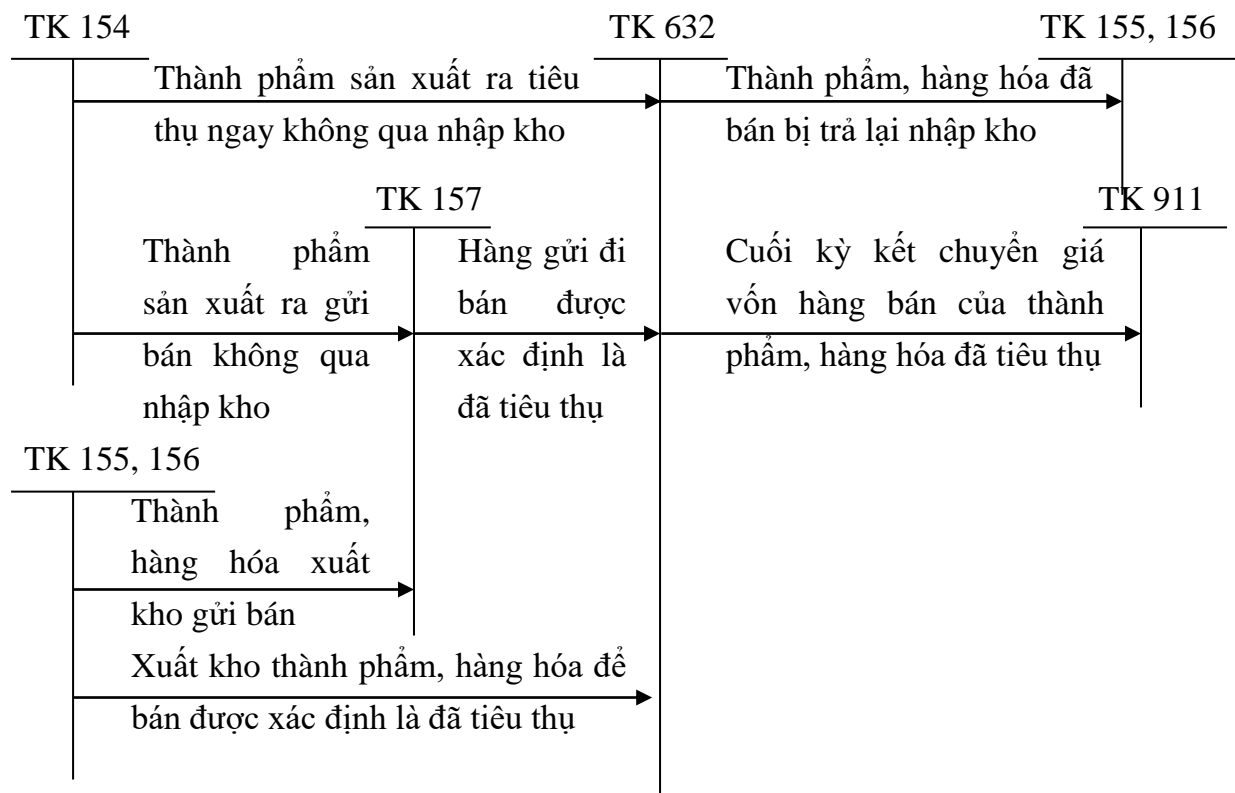
Nợ	TK 632	Có
- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.	- Giá vốn hàng bán bị trả lại.	
- Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.	- Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911.	
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.	
	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa dùng hết).	

(Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ)

- Theo phương pháp kê khai thường xuyên:
 - + Theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống.
 - + Phản ánh tính hình nhập, xuất, tồn của hàng tồn kho.
 - + Giá trị hàng xuất có thể tính được ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ.
 - + Các chứng từ như phiếu nhập kho, xuất kho; biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa lập trong kỳ tùy thời điểm kiểm kê.

Ưu điểm: Có thể xác định cụ thể giá trị và số lượng hàng tồn kho vào từng thời điểm theo nhu cầu; góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời hình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm sai sót trong quản lý và ghi chép

Phương pháp này thường áp dụng cho các đơn vị sản xuất, và các đơn vị doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị có kỹ thuật, chất lượng cao.



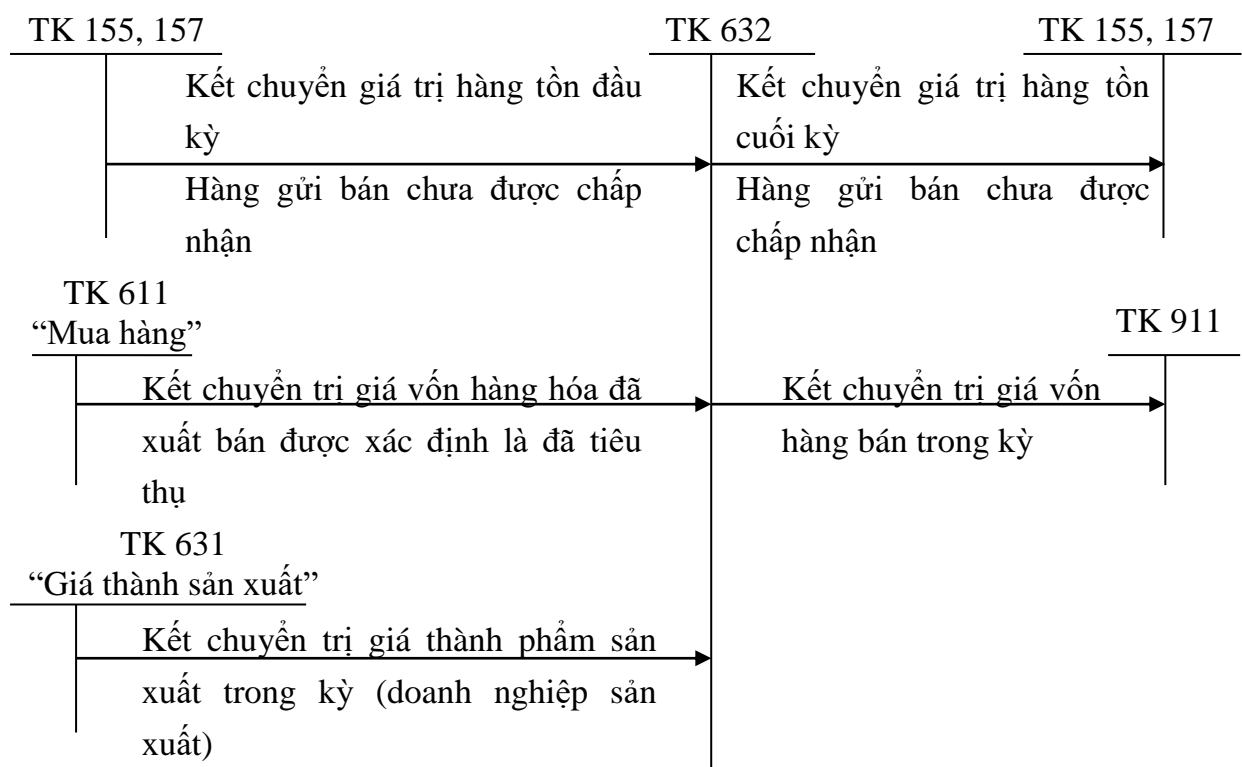
Sơ đồ 1.3 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ
- + Không theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục.
- + Chỉ phản ánh hàng tồn đầu kỳ và cuối kỳ, không phản ánh nhập xuất trong kỳ.
- + Giá trị hàng xuất trong kỳ đến cuối kỳ mới tính được.
- + Các chứng từ sử dụng cũng giống phương pháp kê khai thường xuyên, tuy nhiên đến cuối kỳ mới nhận được từ thủ kho.

Ưu điểm: Giảm khối lượng ghi chép.

Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị thấp, số lượng lớn về chủng loại,... và các đơn vị sản xuất một loại hàng hóa nào đó.

➤ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:



Sơ đồ 1.4 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác trong doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp,...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.

- Thu nhập về thu hồi, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

- Chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi.

- Giấy báo nợ, giấy báo có.

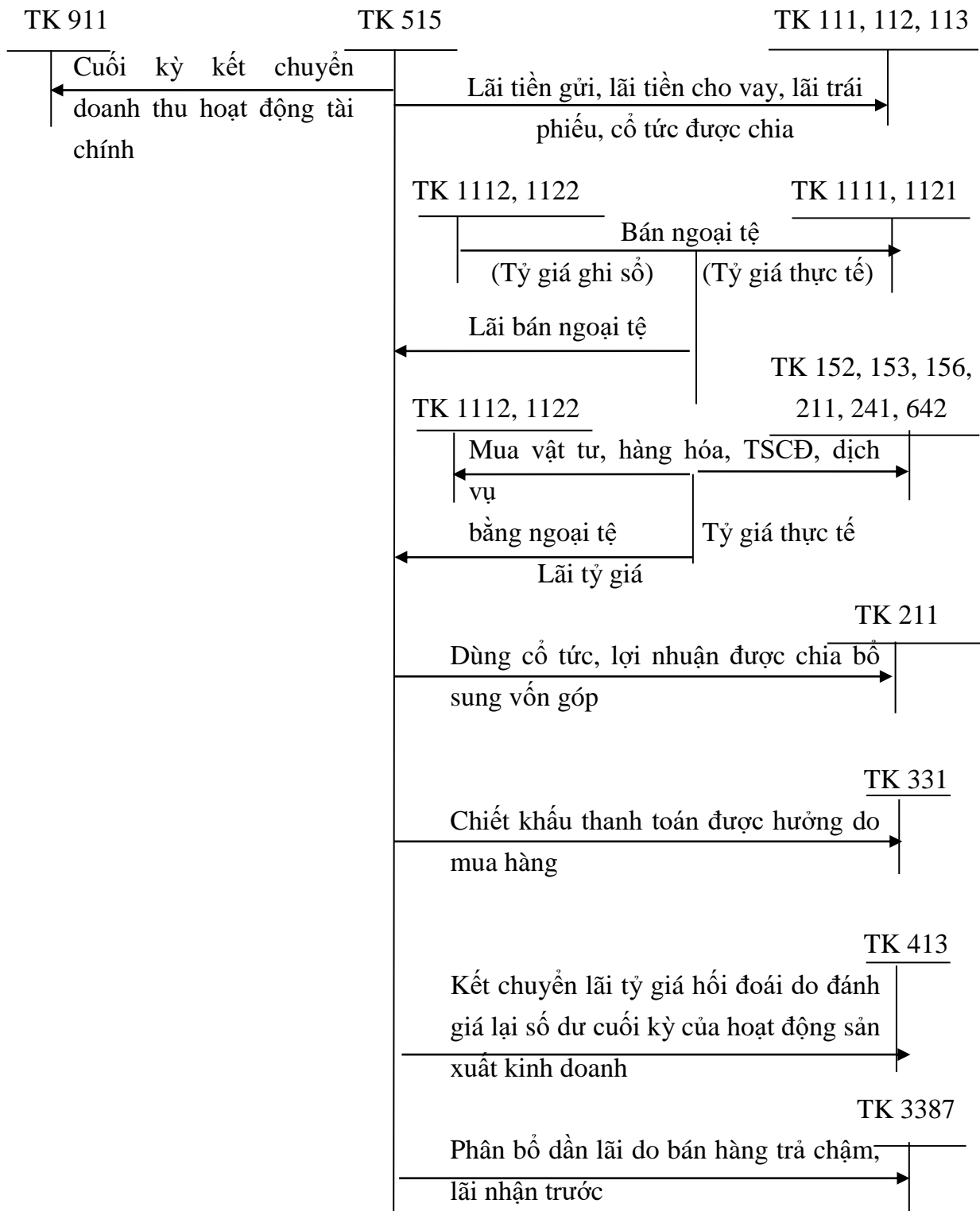
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911. <p>(Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ)</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

➤ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:



Sơ đồ 1.5 Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2 Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Bao gồm những nội dung sau:

- Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lỗ từ nhượng bán chứng khoán.
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

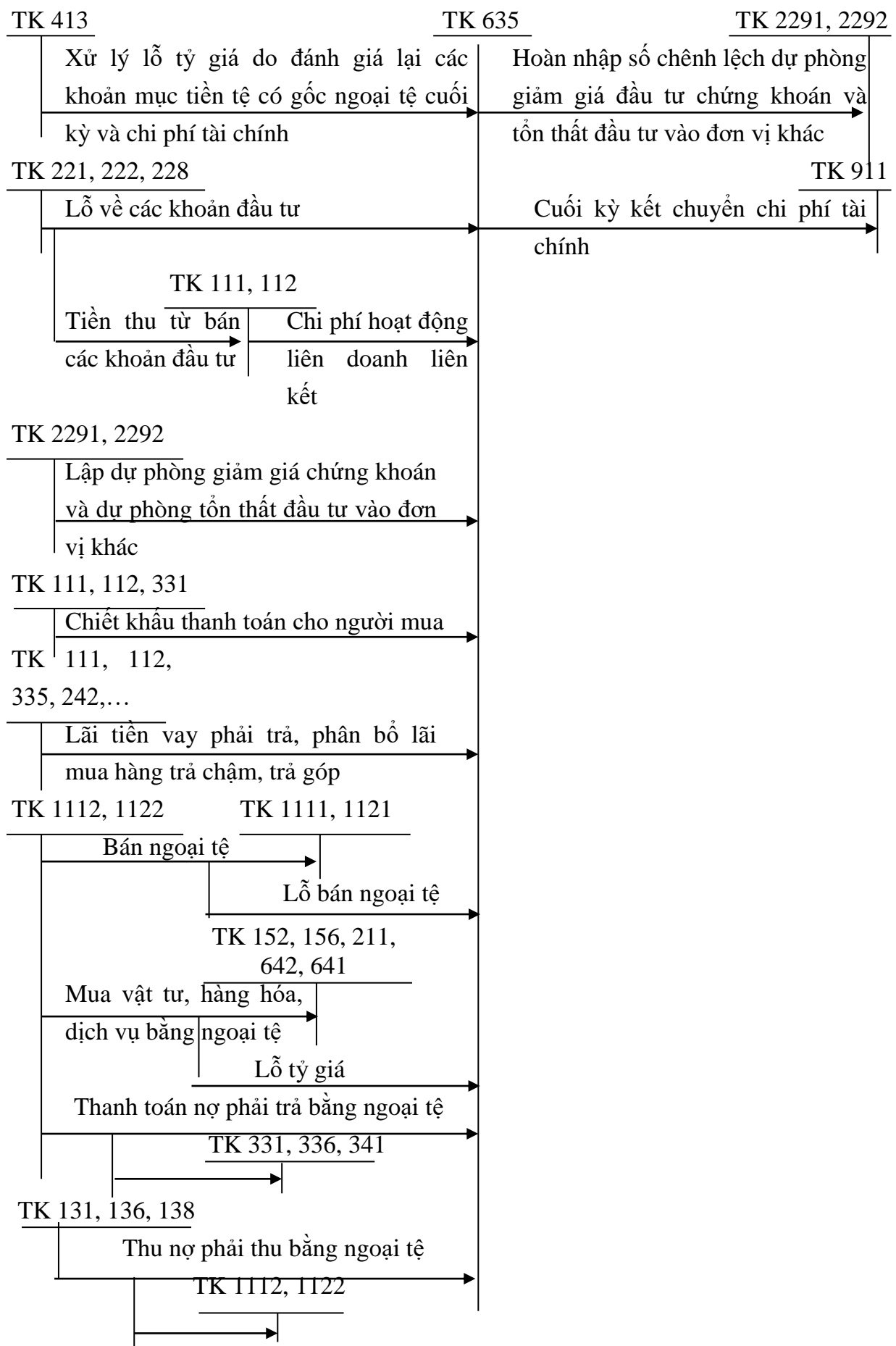
➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Nợ	TK 635	Có
Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911.	

(Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ)

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.6 Hạch toán chi phí tài chính

1.2.5 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Phiếu chi, giấy báo nợ,...

➤ Tài khoản sử dụng:

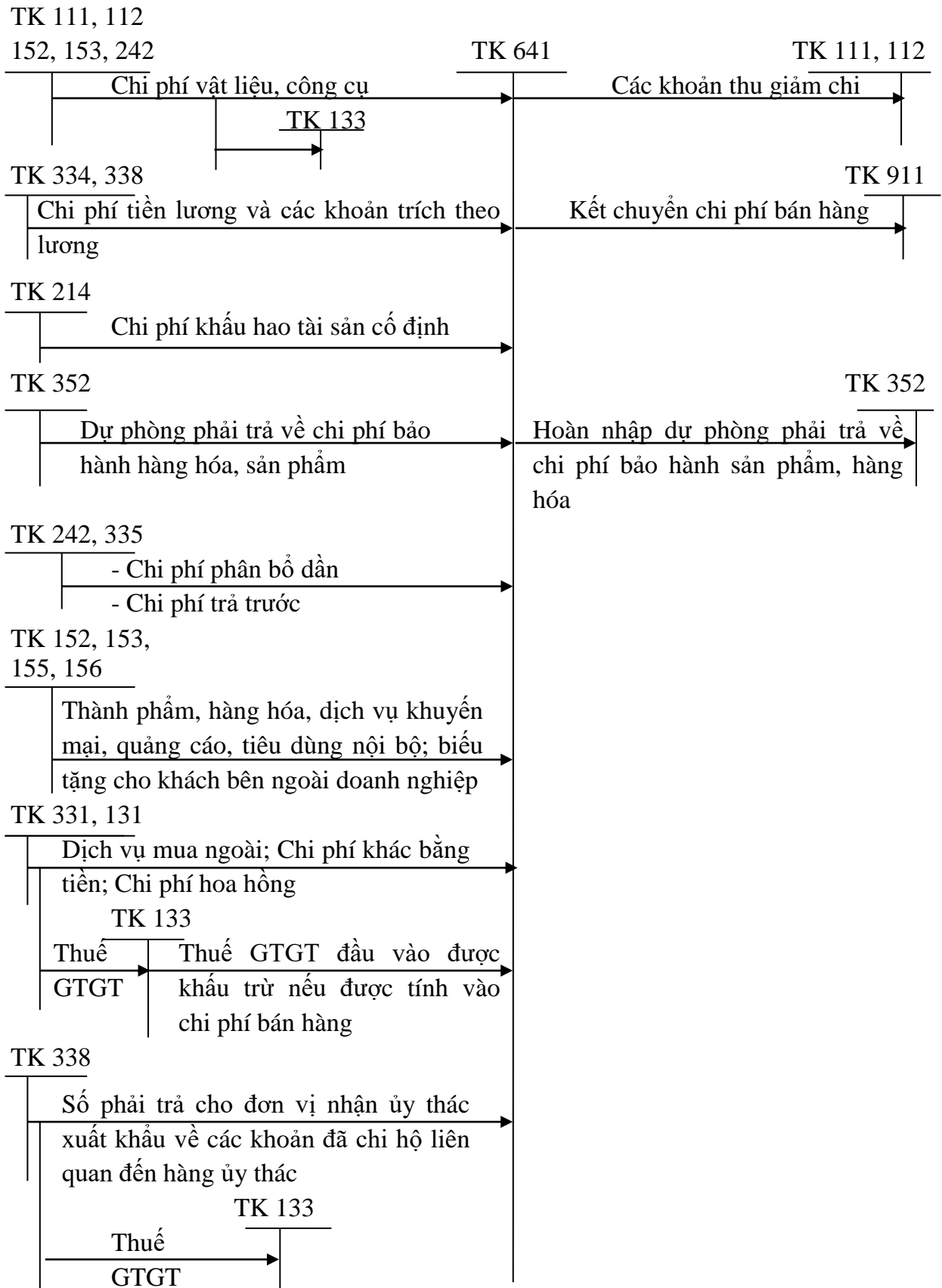
Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”:

Bao gồm tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 “Chi phí nhân viên”
- Tài khoản 6412 “Chi phí vật liệu, bao bì”
- Tài khoản 6413 “Chi phí dụng cụ, đồ dùng”
- Tài khoản 6414 “Chi phí khấu hao TSCĐ”
- Tài khoản 6415 “Chi phí bảo hành”
- Tài khoản 6417 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- Tài khoản 6418 “Chi phí bằng tiền khác”

Nợ	TK 641	Có
- Chi phí phát sinh liên quan đến bán, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ (Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ)	911	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.7 Kế toán chi phí bán hàng

1.2.6 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và điều hành chung toàn doanh nghiệp.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và khoản trích theo lương.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, giấy báo nợ

➤ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung

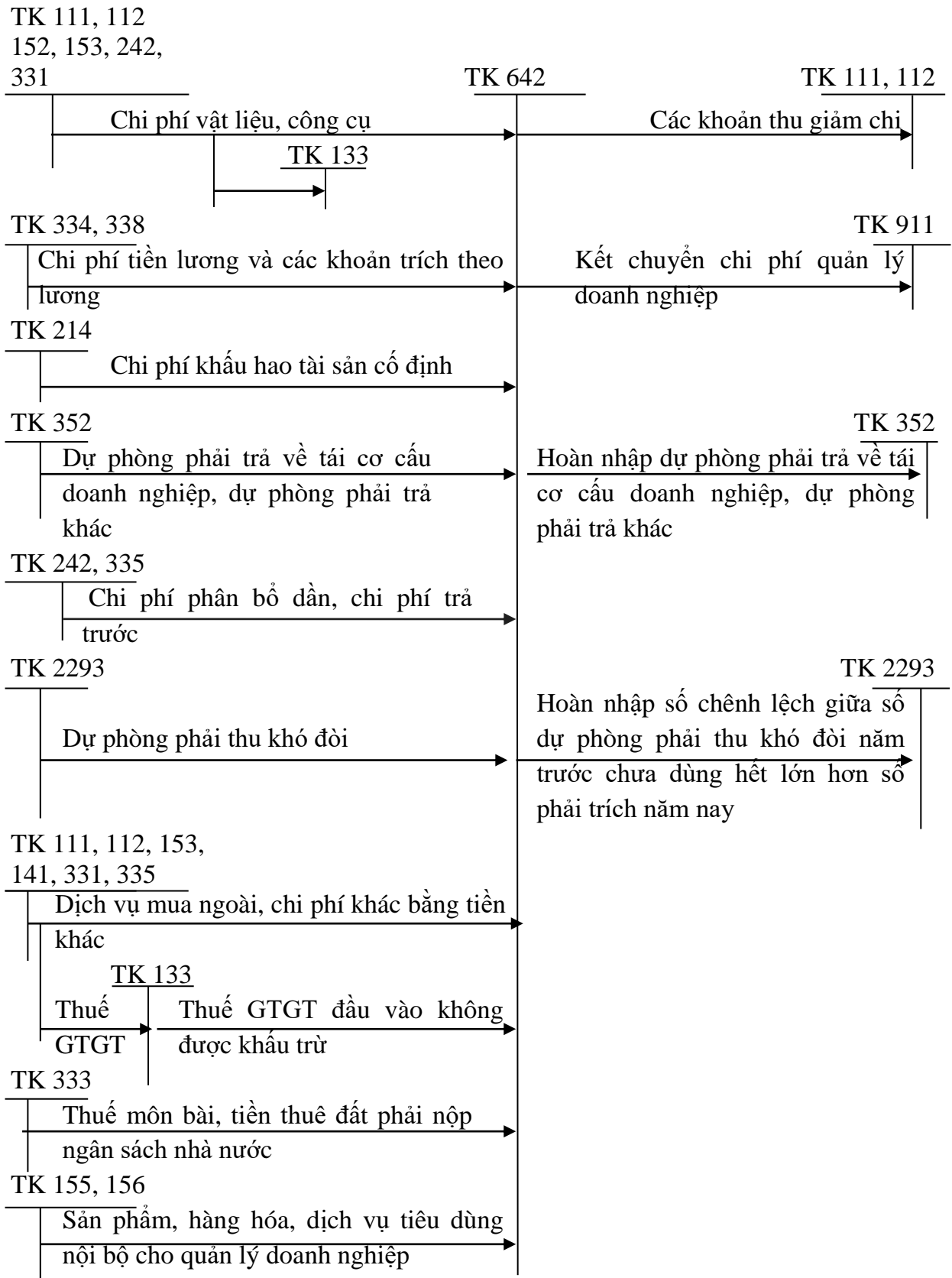
➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”, gồm các tài khoản chi tiết:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. <p><i>(Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.7 Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.

1.2.7.1 Kế toán thu nhập hoạt động khác:

➤ Chứng từ sử dụng:

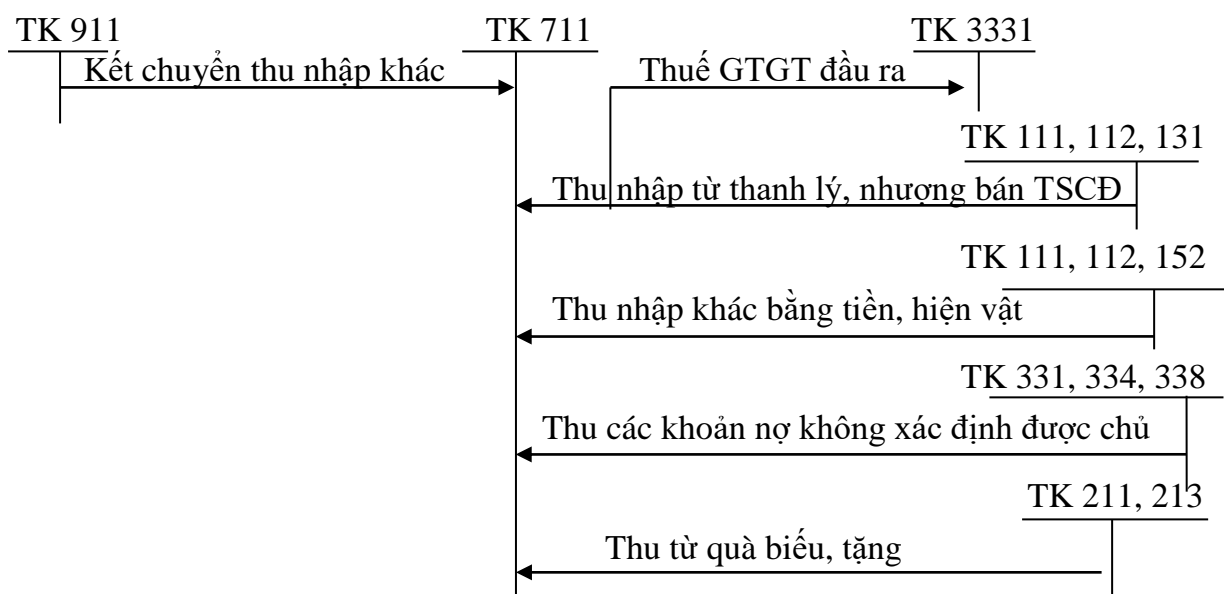
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- ...

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”: Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.	TK 711	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
<i>(Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ)</i>		

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.9 Hạch toán thu nhập hoạt động khác

1.2.7.2 Kế toán chi phí hoạt động khác:

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, phiếu kế toán
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- ...

➤ Tài khoản sử dụng:

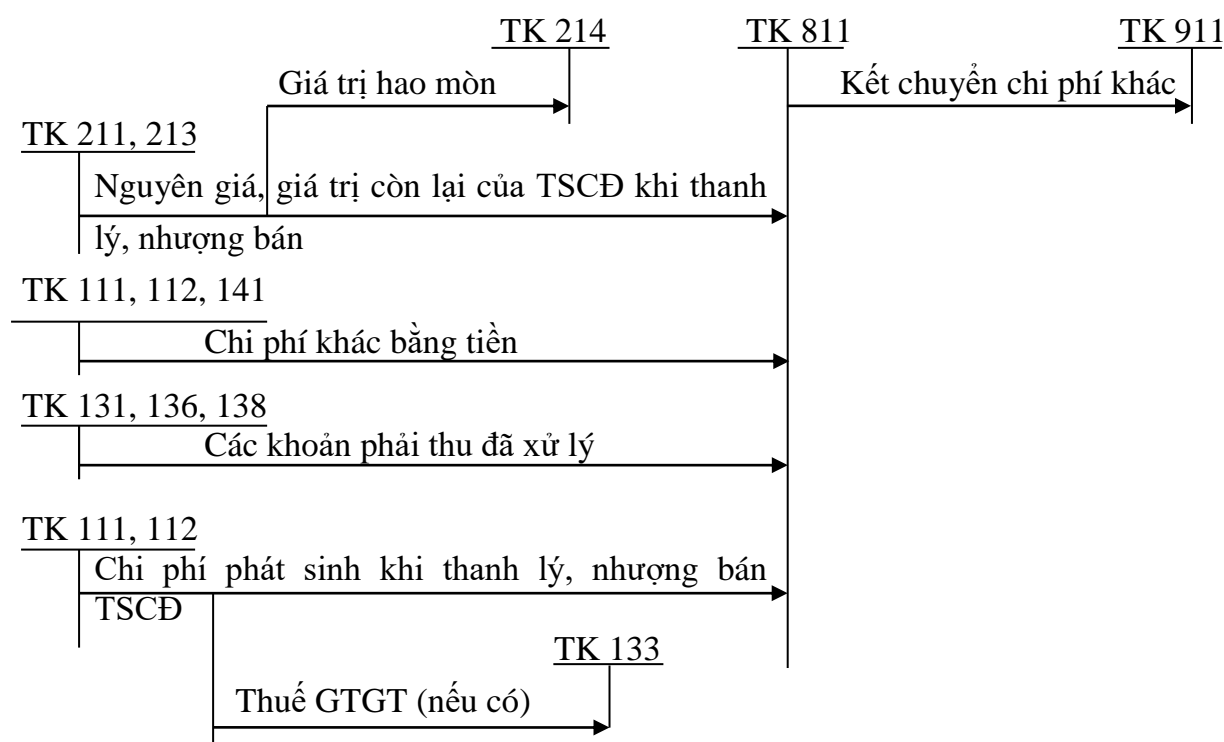
Tài khoản 811 “Chi phí khác”: Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí khác thường gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ. (Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ)		Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.10 Hạch toán chi phí hoạt động khác

1.2.8 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản 821 “Chi phí thuế TNDN”: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 gồm hai tài khoản cấp 2:

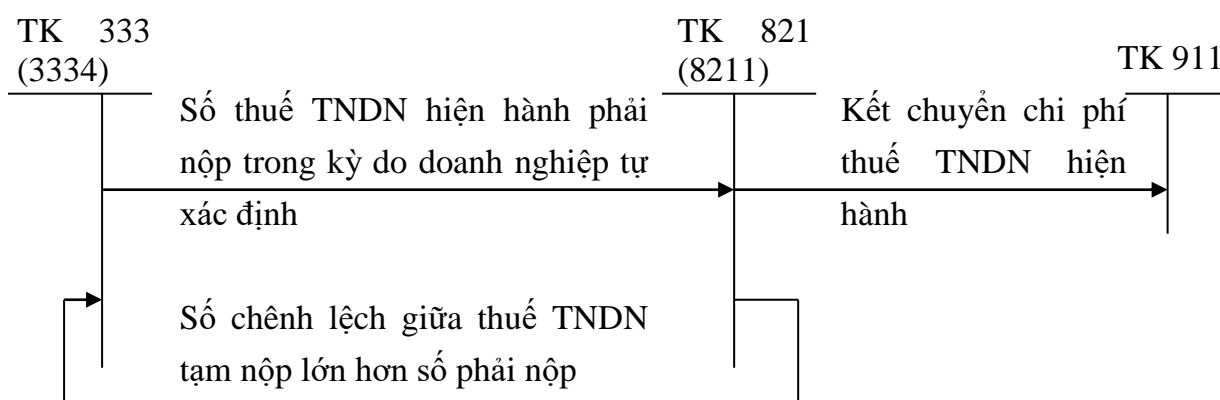
- TK 8211 “Chi phí thuế TNDN hiện hành”
- TK 8212 “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Chi phí thuế TNDN ghi tăng do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.	- Chênh lệch thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp. - Chi phí thuế TNDN ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu trong năm trước. - Kết chuyển thuế TNDN vào TK 911.	

(Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ)

➤ Phương pháp hạch toán:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế thu nhập mà doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.



Sơ đồ 1.11 Hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai từ các việc:

- + Ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm.
- + Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

TK 347	TK 821 (8212)	TK 347
Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm	Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm	
TK 243		TK 243
Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh nhỏ hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm	Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh lớn hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm	
TK 911		TK 911
Kết chuyển chênh lệch số phát sinh có lớn hơn số phát sinh nợ tài khoản 821	Kết chuyển chênh lệch số phát sinh có nhỏ hơn số phát sinh nợ tài khoản 821	

Sơ đồ 1.12 Hạch toàn chi phí thuế TNDN hoãn lại

1.2.9 Xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

1.2.9.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp:

Xác định kết quả kinh doanh là xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

1.2.9.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

➤ Chứng từ sử dụng:

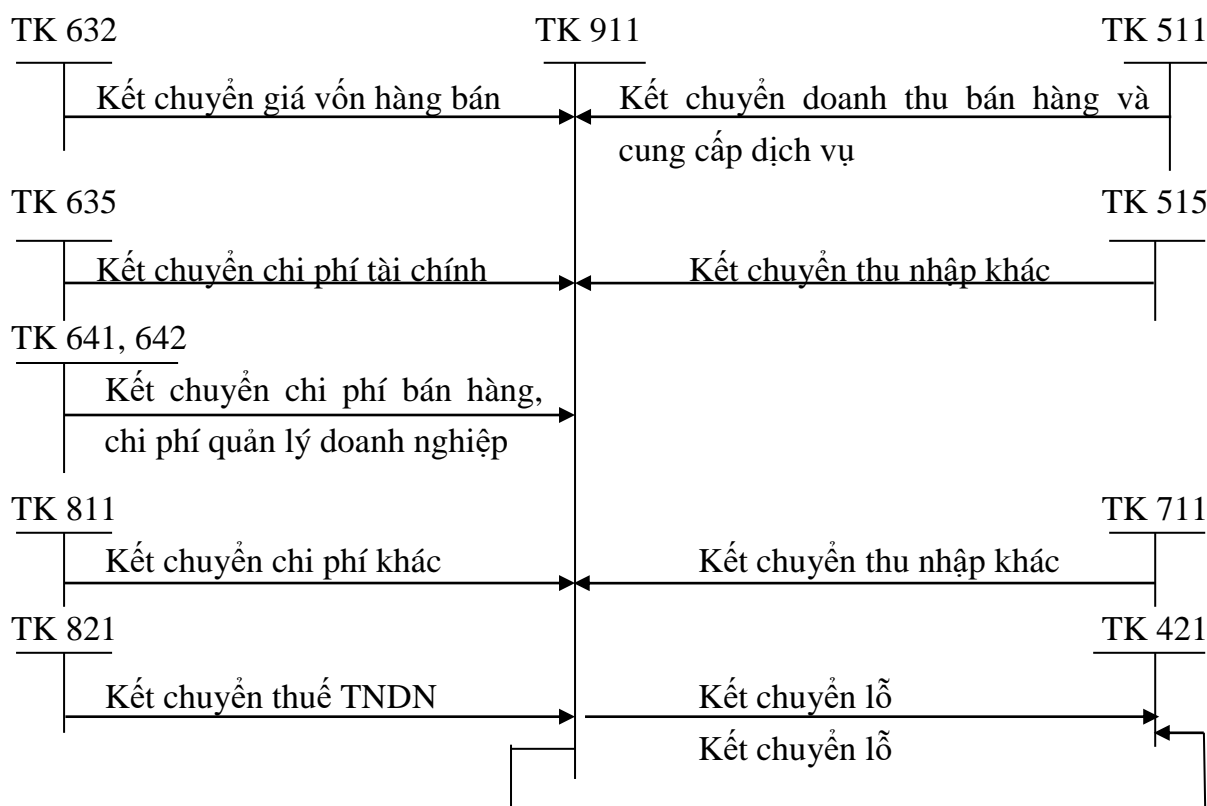
Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí quản lý kinh doanh. - Chi phí tài chính, chi phí khác. - Chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lãi. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu nội bộ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.13 Hạch toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Sổ kế toán tổng hợp sẽ tùy theo hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, có các hình thức sổ kế toán như sau:

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.

➤ Đặc trưng cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

➤ Điều kiện áp dụng:

Sử dụng cho hầu hết các loại hình doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

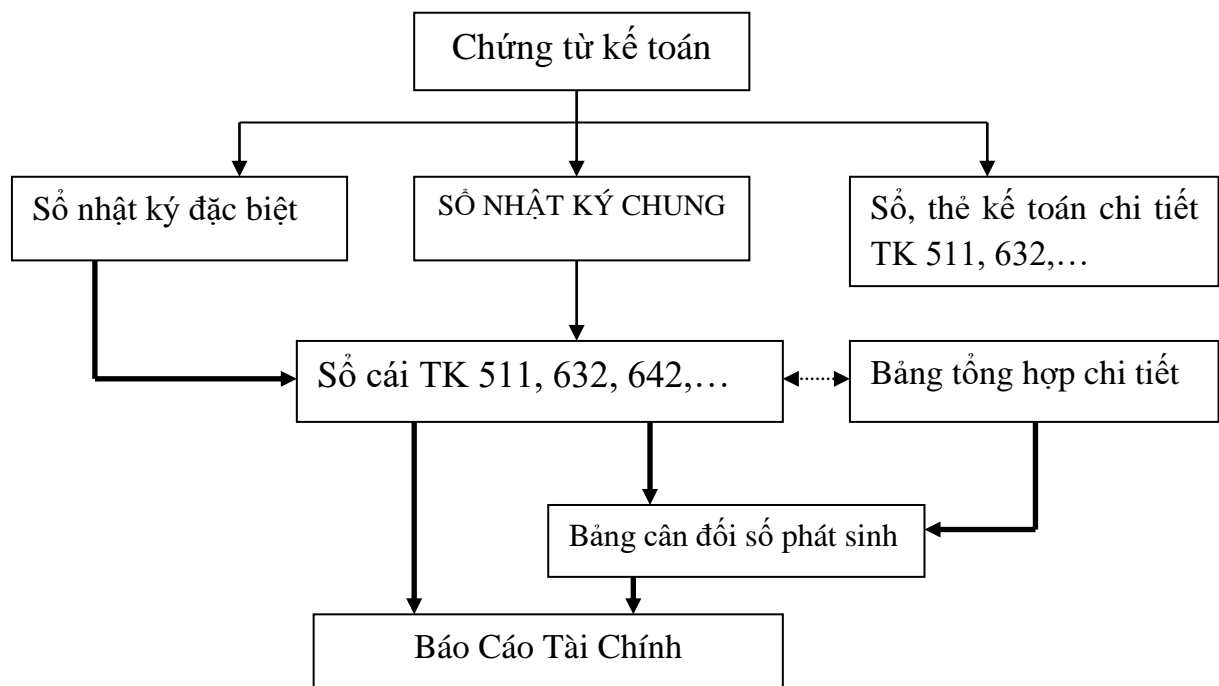
➤ Ưu điểm:

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.

- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính cho công việc tính toán.

- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm. Sổ Nhật ký chung cung cấp thông tin tạm thời.

➤ Nhược điểm: Lượng ghi chép nhiều.



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 -> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra
 - > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 1.14 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.

➤ Đặc trưng cơ bản:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo tài khoản.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

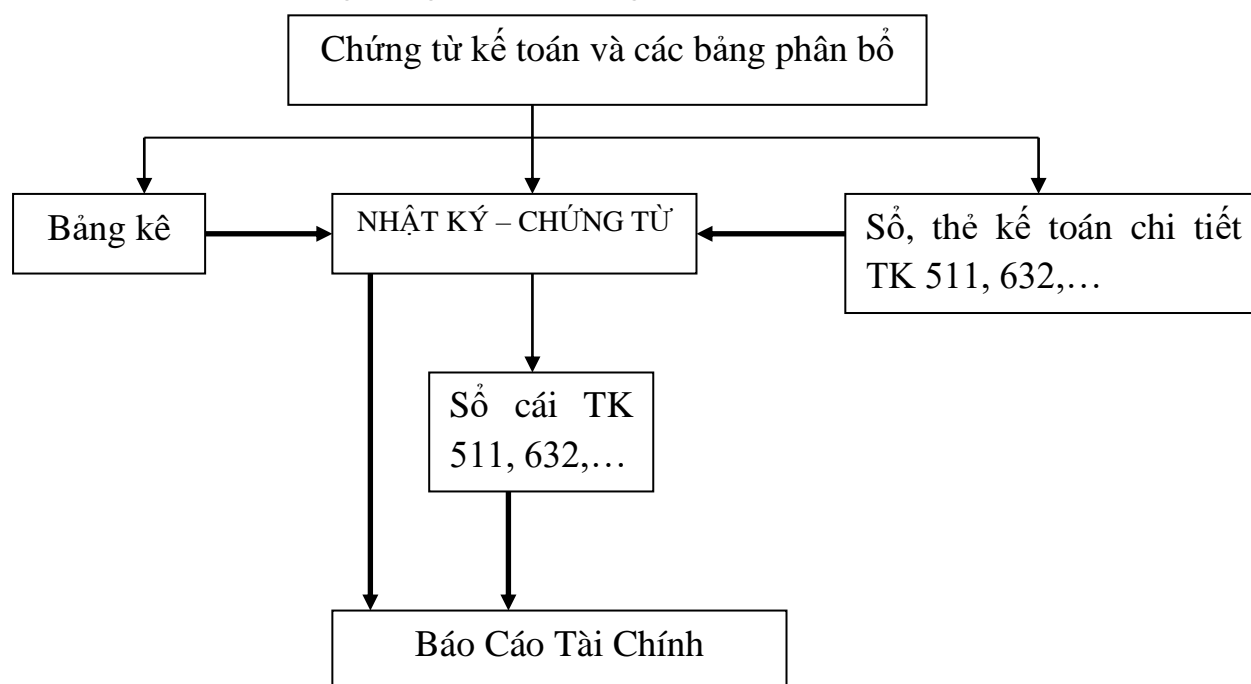
- Sử dụng các mẫu số in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

➤ Ưu điểm:

- Giảm nhẹ khối lượng ghi sổ kế toán. Việc kiểm tra đối chiếu được thực hiện thường xuyên, cung cấp thông tin kịp thời.

➤ Nhược điểm:

- Mẫu sổ kế toán phức tạp. Yêu cầu trình độ cao với mỗi kế toán viên. Không thuận tiện cho việc ứng dụng tin học vào ghi sổ kế toán.



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 -> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra
 - > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 1.15 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – chứng từ.

1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.

➤ Đặc trưng cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp và các chứng từ kế toán cùng loại.

➤ Điều kiện áp dụng:

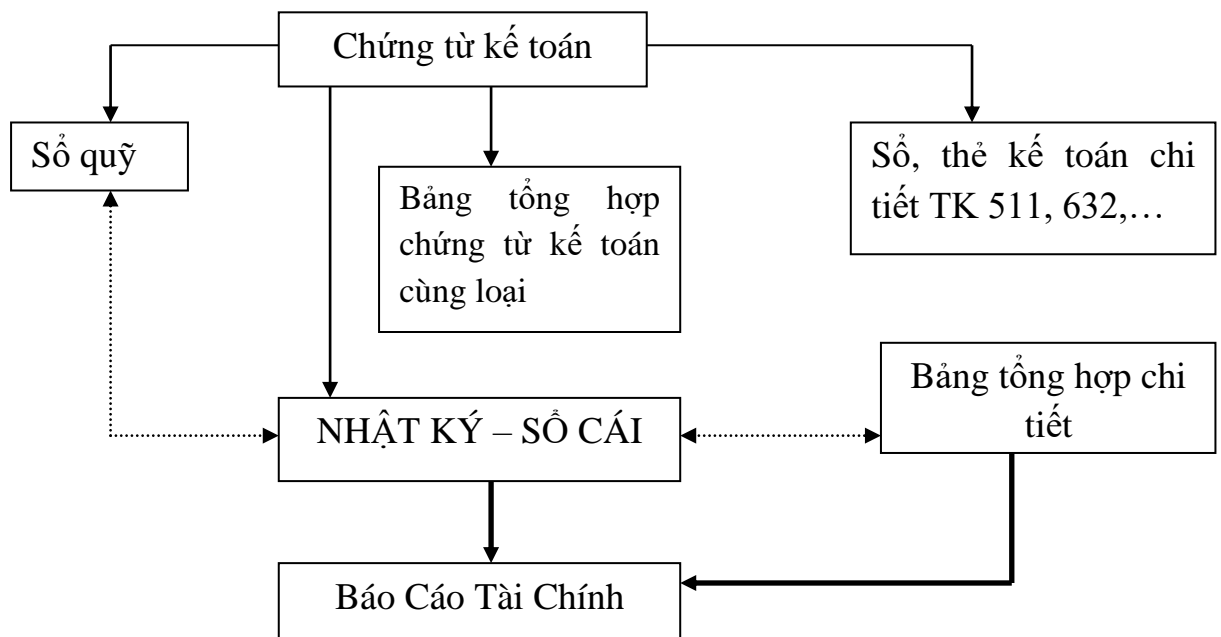
Sử dụng cho những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sử dụng ít tài khoản kế toán.

➤ Ưu điểm:

- Số lượng ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.
- Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – sổ cái.

➤ Nhược điểm:

- Khó thực hiện phân công lao động kế toán.
- Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều tài khoản.



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
 -→ Quan hệ đối chiếu và kiểm tra
 - Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 1.16 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – sổ cái

1.3.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

➤ Đặc trưng cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trên chứng từ kế toán, được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

➤ Điều kiện áp dụng:

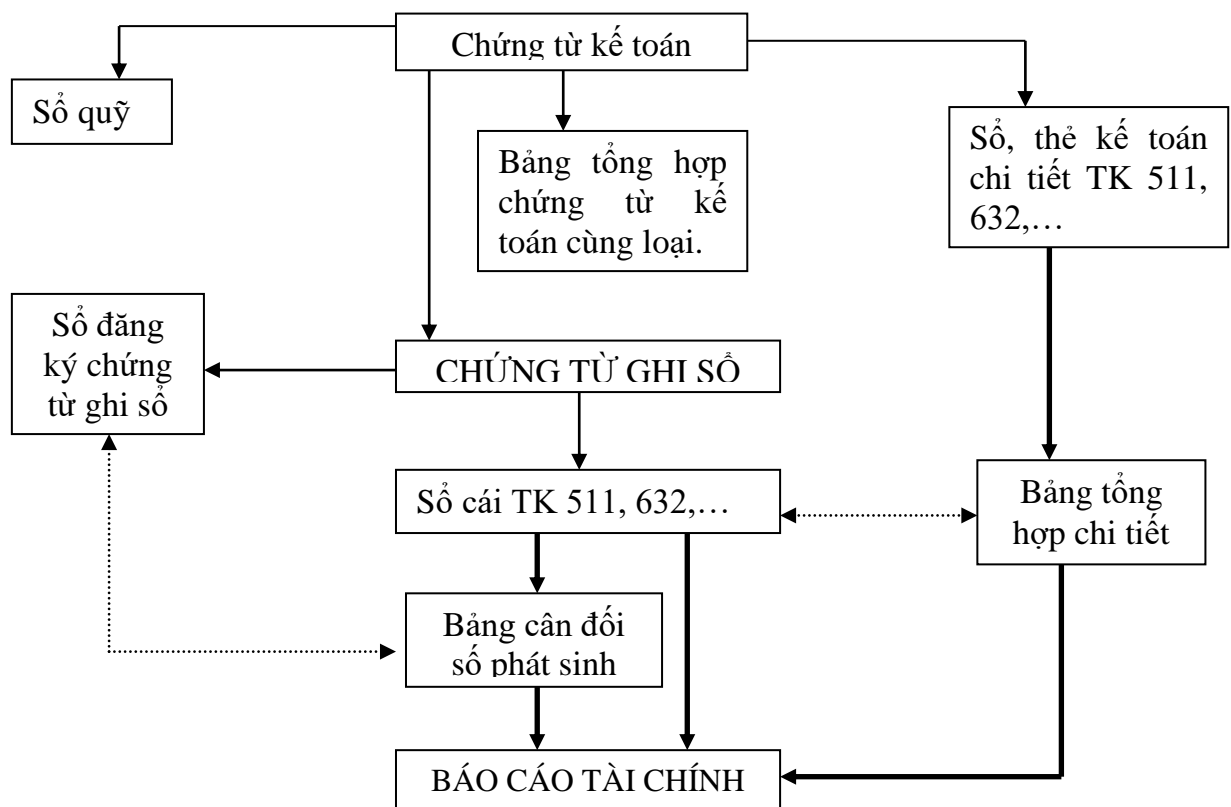
Áp dụng cho những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, sử dụng nhiều lao động kế toán và sử dụng số lượng lớn các tài khoản kế toán.

➤ Ưu điểm:

Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công kế toán.

➤ Nhược điểm:

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.



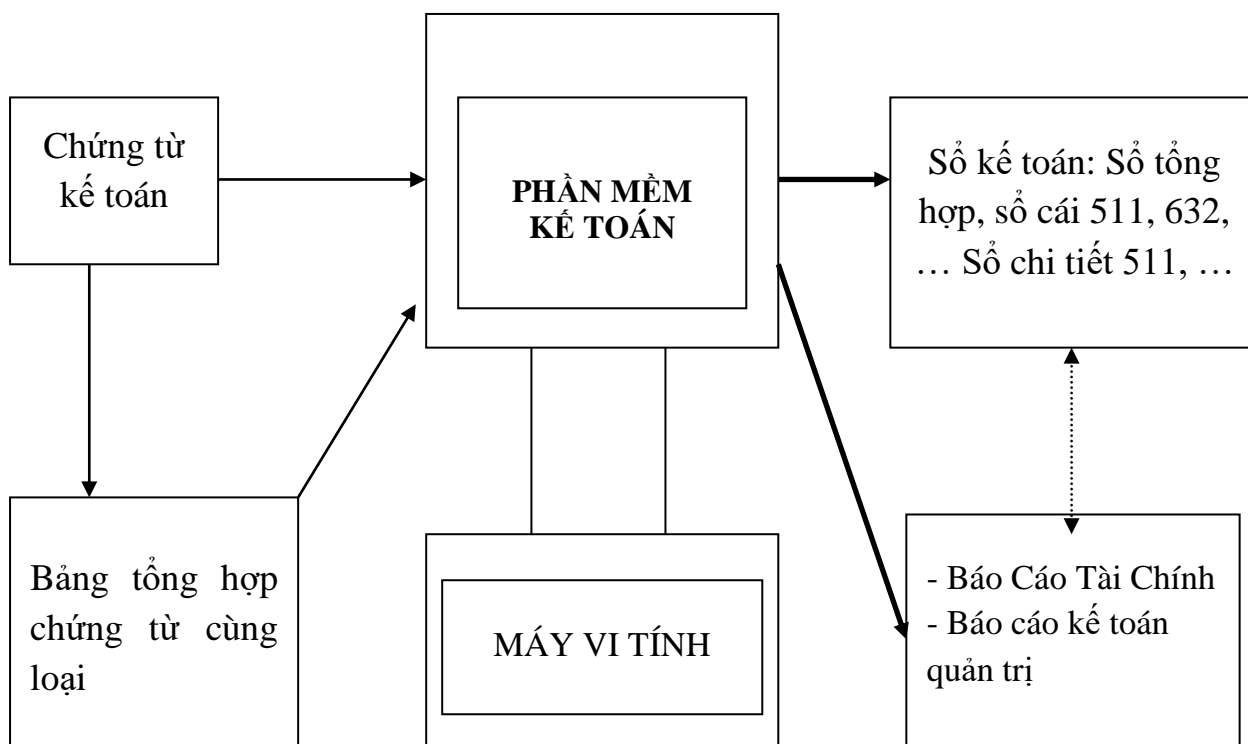
- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 -> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra
 - > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 1.17 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.3.5 Hình thức kế toán máy

➤ Đặc trưng cơ bản:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được ra đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra
 —————> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 1.18 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI PHÚC TRƯỜNG AN.

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

- **Tên công ty:** Công ty TNHH thương mại vận tải và xây dựng Phúc Trường An.

- **Mã số thuế:** 0201187647

- **Địa chỉ:** Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng.

- **Đại diện pháp luật:** Nguyễn Thanh

- **Ngày cấp giấy phép:** 16/07/2011

- **Lĩnh vực kinh doanh:** Vận tải thiết bị, các nguyên vật liệu theo yêu cầu của khách hàng.

- **Chức năng, nhiệm vụ của công ty:** Cung ứng, vận chuyển và đại lý vận chuyển hàng hóa, vận tải hành khách liên tỉnh và du lịch. Cung cấp lao động cho thị trường Hải Phòng.

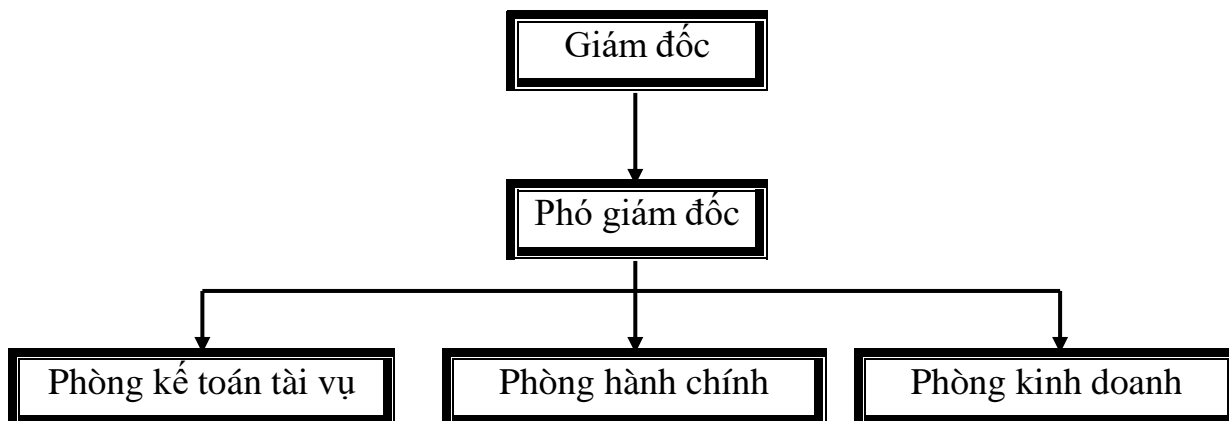
Từ khi xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập chung bao cấp chuyển sang nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, công ty trên đà đó đã nhanh chóng đi vào ổn định hoạt động kinh doanh, bắt kịp với sự biến động của nền kinh tế, công ty đã luôn đề ra những phương hướng theo kịp cơ chế thị trường.

Năng lực về tài chính lành mạnh, có khả năng ứng vốn cho nhiều công trình, công ty đã và đang tham gia vận chuyển những công trình nhà cửa, cơ sở hạ tầng, và nhiều công trình dân dụng khác.

Trong những năm gần đây, công ty đã và đang thi công vận tải nhiều công trình với chất lượng cao đã đưa vào sử dụng; tạo được uy tín với khách hàng trên thị trường và góp phần vào ngân sách nhà nước; tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động.

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của cty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Xác định được định hướng phát triển của mình, Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An đã xây dựng được bộ máy quản lý khá phù hợp. Cùng với việc thực hiện chức năng - nhiệm vụ của mình, Công ty đã hoàn thành thiện bộ máy quản lý cách chặt chẽ. Với bộ máy tổ chức theo mô hình trực tuyến, toàn bộ hoạt động của Công ty đều chịu sự quản lý thống nhất của Giám đốc cùng với sự hỗ trợ của Phó giám đốc và các phòng ban trực thuộc quản lý.



Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

- **Giám đốc:** là người điều hành cao nhất mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và cũng là người chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật về toàn thể lao động, về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty. Tất cả các phòng ban, chi nhánh, đại diện đều thuộc quản lý của Giám đốc.

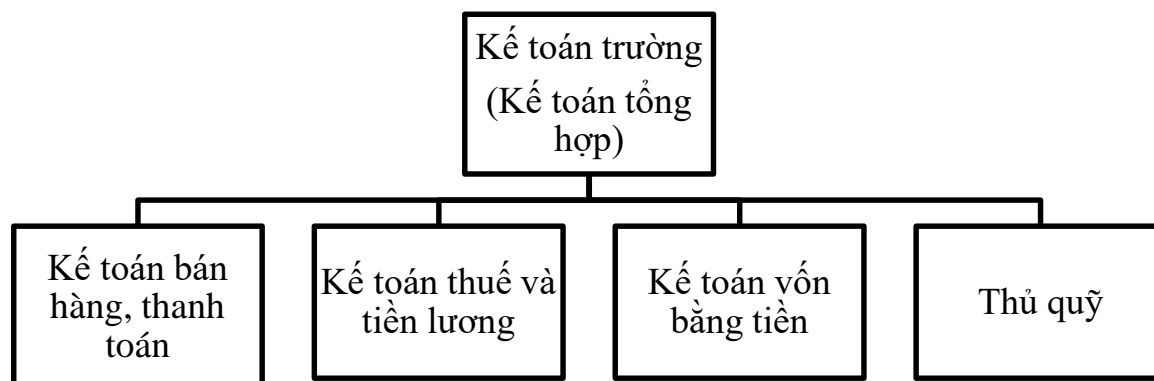
- **Phó giám đốc:** là người quản lý chung dưới quyền Giám đốc, có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc, thay giám đốc quản lý một số phòng ban, bộ phận như phòng kế toán tài vụ, đội xe, các chi nhánh, đại diện của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi được giao, tình hình tài chính của Công ty.

- **Phòng kế toán - tài vụ:** Có chức năng quản trị tài chính - kế toán, hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành, đồng thời có nhiệm vụ điều hành lưu chuyển vốn và tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của các phương án đầu tư. Đồng thời chịu trách nhiệm hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh toàn Công ty, cũng như lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị hàng năm.

- **Phòng hành chính:** Là phòng tham mưu cho lãnh đạo công ty và tổ chức triển khai thực hiện các công tác về tổ chức hoạt động, nhân sự, hành chính và thực hiện chính sách đối với người lao động.

- **Phòng kinh doanh:** Là phòng tham mưu tổng hợp giúp lãnh đạo công ty trong công tác lập kế hoạch, đôn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh toàn công ty; đề xuất các phương án kinh doanh .

2.1.3 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

- Kế toán trưởng: chỉ đạo toàn diện, kiểm tra giám sát chặt chẽ công tác kế toán của công ty đồng thời xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm trước giám đốc về các số liệu báo cáo kế toán.

- Kế toán bán hàng, thanh toán: xác nhận hóa đơn bán hàng và thanh toán; kiểm tra chi tiết công nợ, định kỳ xác nhận công nợ với khách hàng.

- Kế toán thuế kiêm kế toán lương: lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT, theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách nhà nước của công ty; tính toán các khoản tiền lương, thưởng, các khoản trợ cấp và giảm trừ của người lao động.

- Kế toán vốn bằng tiền: theo dõi dòng tiền vào và dòng tiền ra, tiền gửi ngân hàng; lập báo cáo thu chi, báo cáo tiền gửi ngân hàng theo yêu cầu của giám đốc.

- Thủ quỹ: Kiểm kê, quản lý, bảo quản tiền mặt.

2.1.4 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tài công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

➤ Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm N.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.

- Công ty áp dụng kỳ kế toán theo năm.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng theo phương pháp khấu trừ.

➤ Hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của Nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm kinh doanh của công ty, hiện công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái và các sổ chi tiết

➤ Hệ thống báo cáo kế toán:

Báo cáo kế toán của công ty cũng theo niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo. Báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán

- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

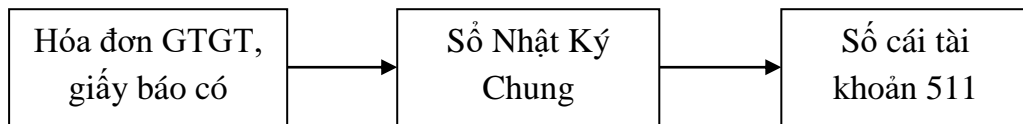
Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An là một công ty kinh doanh dịch vụ, chủ yếu là vận tải hàng hóa và vận tải du lịch. Cũng như các doanh nghiệp khác, công tác kế toán tiêu thụ, doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm.

Hiện nay doanh thu chủ yếu của công ty là qua các hoạt động vận chuyên. Đối với các hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Chứng từ kế toán sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có ngân hàng
 - Các chứng từ khác liên quan: Đơn đặt hàng, hợp đồng mua bán hàng hóa,...
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ cái TK 511
 - Sổ nhật ký chung
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
 - Các TK khác liên quan như TK 111, TK 112, TK 131, TK 3331,...
- Trình tự hạch toán:



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày

Sơ đồ 2.3 Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ví dụ: Ngày 22/07/2015 công ty hạch toán doanh thu tính cước vận chuyển tháng 07/2015 cho công ty TNHH LG Electronics Việt Nam, số tiền là 28.809.600đ, chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Kế toán định khoản:	Nợ 1121:	31.690.500
	Có 5113:	28.809.600
	Có 3331:	2.880.900

HOÁ ĐƠN		Mẫu số :01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu (serial): AA/13P			
Liên 3: Nội bộ		Số (Number): 0000619			
Ngày 22 tháng 07 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An					
Địa chỉ : Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản : 68996299 Tại (at): Ngân hàng ACB – PGD TD Plaza Hải Phòng					
Điện thoại : 031.3611878 Fax: 031.3846846					
MST: : 0201187647					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng					
Địa chỉ: Lô CN2, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng					
Mã số thuế: 0201311397					
Hình thức thanh toán: CK			Số tài khoản:.....		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Cước vận chuyển tháng 7/2015	tháng	01		28.809.600
Cộng tiền hàng:					28.809.600
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		2.880.900	
Tổng cộng tiền thanh toán:					31.690.500
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi một triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, năm trăm đồng./.					

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.1 Hóa đơn GTGT số 0000619

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO CỐ

Mã GDV: TRAN HONG

Chi nhánh: ACB-Lê Chân, Hải Phòng Ngày 22/07/2015

ANH

Phòng

Mã KH:

Số GD:

Kính gửi: Cty TNHH Thương mại xây dựng & vận tải Phúc Trường An

MST: 0201187647

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CỐ: 68996299

Số tiền bằng số: 31.690.500

Số tiền bằng chữ: Ba mươi một triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, năm trăm đồng.

Nội dung: Thanh toán tiền cước vận chuyển T07/2015

Giao dịch viên

Kiểm soát

(đã ký)

Biểu số 2.2 Giấy báo có ngân hàng Á Châu.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN

Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
22/07	GBC22/7	22/07	Công ty TNHH LG Electronics VN thanh toán cước vận chuyển T07/2015	1121 5113 3331	31.690.500	28.809.600 2.880.900
.....
25/07	HD01259	25/07	Cước vận chuyển công ty HKTM VINA	131 5113 3331	29.699.000	26.999.200 2.699.920
.....
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3 Sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận
tải Phúc Trường An.

Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường
Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Mẫu số: S03b – DNN

Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511 (5113)

Năm: 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
22/07	GBC22/7	22/07	Công ty TNHH LG Electronics VN thanh toán cước vận chuyên T07/2015	1121		28.809.600
.....
25/07	HĐ01259	25/07	Cước vận chuyên công ty HKTM VINA	131		26.999.200
....
			Cộng số phát sinh		11.181.836.329	11.181.836.329

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 07 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4 Sổ cái

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc
Trường An)

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An:

Với đặc điểm kinh doanh của công ty là vận tải nên cách tính giá vốn cũng khác so với những công ty thương mại khác. Ở đây, giá vốn là tập hợp chi phí hợp lý tạo ra doanh thu tương ứng trong kỳ kinh doanh. Cụ thể với công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An là:

- TK 1111: Tiền thuê xe (trường hợp thiếu xe để vận chuyển phải thuê thêm)
- TK 1541: Chi phí xăng xe.
- TK 1542: Lệ phí cầu đường.
- TK 1543: Chi phí sửa chữa xe.
- TK 1544: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 1545: Chi phí lương lái xe.
- TK 1546: Chi phí bảo hiểm xe.
- TK 1547: Chi phí khác.
- TK 1548: Chi phí thay phụ tùng xe.
- TK 331: Tiền thuê kho bãi để xe.

Tất cả những chi phí trên đều được hạch toán vào những tài khoản chi tiết của TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Cuối kỳ khi hoàn thành hợp đồng, xuất hóa đơn GTGT cho bên mua dịch vụ đồng thời phân bổ chi phí theo doanh thu tương ứng để làm giá vốn.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi.
- Bảng trích khấu hao TSCĐ.
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh doanh.
- Bảng lương.
- Các chứng từ khác có liên quan.

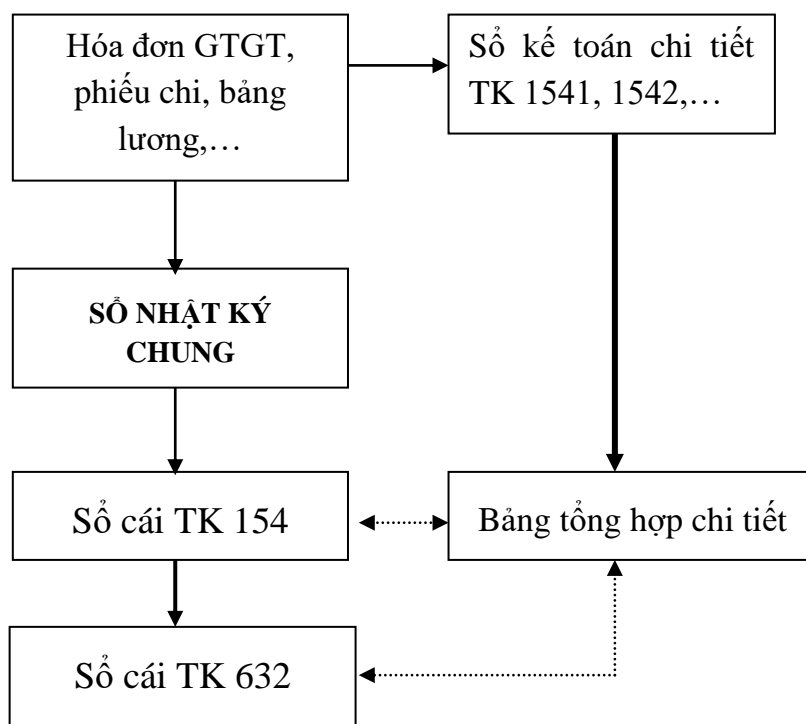
➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, TK 331 “Phải trả người bán”,....

Tài khoản 154 mở chi tiết theo từng khoản mục chi phí theo quy định của công ty.

- Sổ cái TK 632 “Giá vốn hàng bán”
- Phiếu kế toán.

➤ Trình tự hạch toán:



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 -> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra
 - > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.4 Trình tự hạch toán giá vốn

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Ví dụ:

Ngày 04/07/2015, công ty mua 348 lít xăng RON 95 theo HĐ số 0194156 tại công ty xăng dầu khu vực III – TNHH một thành viên với số tiền là 4.571.455 vnd (chưa thuế VAT 10%). Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:	Nợ 1541:	4.571.455
	Nợ 1331:	457.145
	Có 1111:	5.028.600

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số :01GTKT2/003			
(Liên 2: Giao người mua)		Ký hiệu : AC/15P			
Ngày 04 tháng 07 năm 2015		Số :0194156			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – TNHH MỘT THÀNH VIÊN					
Địa chỉ : Số 1 Sở Dầu, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Cửa hàng số: Cửa hàng xăng dầu Đồng Quốc Bình					
MST : 0200120833					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An					
Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Mã số thuế: 0201187647					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Số tài khoản:.....		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Xăng RON 95	lít	348	13.136,36	4.571.455
Cộng tiền hàng:					4.571.455
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			457.145
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.028.600
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm đồng chẵn./.					

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5 Hóa đơn GTGT số 0194156

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 04/07/2015

Mẫu số 02-TT

(theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính)

Số: PC00124

Nợ 1541: 4.571.455

Nợ 1331: 457.145

Có 1111: 5.028.600

Người nhận tiền: VŨ XUÂN THANH

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Lý do chi: Thanh toán tiền xăng.

Số tiền: 5.028.600 VNĐ.

Bằng chữ: Năm triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc : HĐ GTGT 0194156

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm đồng chẵn.

Ngày 04 tháng 07 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

Biểu số 2.6 Phiếu chi số 124

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận
tải Phúc Trường An
Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy
Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
04/07	PC124	04/07	Chi tiền xăng RON 95 theo HĐ số 0194156	1541 1331 1111	4.571.455 457.145	5.028.600
.....
10/07	PC129	10/07	Chi tiền thay dầu xe theo HĐ số 164	1543 1331 1111	1.500.000 150.000	1.650.000
.....
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7 Sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Căn cứ vào các chứng từ liên quan như bảng phân bổ khấu hao, hóa đơn GTGT, bảng lương,...trong tháng 7 năm 2015 công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An tập hợp các chi phí trên như sau:

- Tiền thuê xe	59.818.182
----------------	------------

- Chi phí xăng xe	195.349.314
- Lệ phí cầu đường	48.750.000
- Chi phí sửa chữa xe	29.455.417
- Chi phí khấu hao TSCĐ	55.030.303
- Chi phí lương lái xe	46.600.000
- Chi phí bảo hiểm xe	1.934.470
- Chi phí khác	614.583
- Chi phí thay thế phụ tùng xe	2.914.000
- Tiền thuê bãi đỗ xe	12.000.000

Ví dụ vé cước đường bộ:



Biểu số 2.8 Vé cước đường bộ

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Cuối tháng kết chuyển sang TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

Nợ TK 632	452.466.269
Có TK 1111	59.818.182

Có TK 1541	195.349.314
Có TK 1542	48.750.000
Có TK 1543	29.455.417
Có TK 1544	55.030.303
Có TK 1545	46.600.000
Có TK 1546	1.934.470
Có TK 1547	614.583
Có TK 1548	2.914.000
Có TK 331	12.000.000

Kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển cho các tài khoản 1541, 1543, 1544, 1545, 1546, 1548, 1111, 331.

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 07 năm 2015				
Số 71				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
	Kết chuyển các chi phí:			
1	- Tiền thuê xe	632	1111	59.818.182
2	- Xăng xe	632	1541	195.349.314
3	- Lệ phí cầu đường	632	1542	48.750.000
4	- Sửa chữa xe	632	1543	29.455.417
5	- Khấu hao TSCĐ	632	1544	55.030.303
6	- Lương lái xe	632	1545	46.600.000
7	- Bảo hiểm xe	632	1546	1.934.470
8	- Chi phí khác	632	1547	614.583
9	- Thay phụ tùng xe	632	1547	2.914.000
10	- Tiền thuê bãi để xe	632	331	12.000.000
	Tổng			452.466.269

Biểu số 2.9 Phiếu kế toán số 71

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Kế toán vào sổ Nhật ký chung, đồng thời các sổ chi tiết các tài khoản 1541, 1543, 1544, 1545, 1546, 1548, 1111, 331,...và sổ cái TK 154 và TK 632.

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng					Mẫu số S20-DNN (ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tài khoản 1541 Tên tài khoản: Chi phí xăng dầu Năm 2015 Đơn vị tính: vnd								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
							
04/07	PC124	04/07	Chi xăng dầu xe theo HĐ: 194156	1111	1.863.636			
04/07	PC125	04/07	Chi xăng dầu xe theo HĐ: 1259	1111	926.364			
							
			Cộng phát sinh		2.344.191.768	2.344.191.768		
			Số dư cuối kỳ					

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.10 Sổ chi tiết tài khoản 1541

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Tương tự với các tài khoản chi tiết khác kế toán cũng lập sổ chi tiết tài khoản như trên.

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng				Mẫu số: S03b – DNN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính		
SỔ CÁI Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán Số hiệu: 632 Năm 2015 Đơn vị tính: vnd						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
30/04	PKT43	30/04	Kết chuyển giá vốn tháng 4	154	396.560.665	
.....
31/07	PKT71	31/07	Kết chuyển toàn giá vốn tháng 7	154	452.466.269	
.....
30/09	PKT89	30/09	Kết chuyển giá vốn tháng 9	154	384.024.259	
.....
			Cộng số phát sinh		10.258.390.922	10.258.390.922
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11 Sổ cái tài khoản 632

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Do đặc thù kinh doanh, chi phí quản lý kinh doanh ở công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An chỉ có chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bao gồm:

- Tiền lương và các khoản trích theo lương ở bộ phận quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp.
- Thuế, phí, lệ phí.
- Các chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT
- Ủy nhiệm chi
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6422

➤ Trình tự hạch toán:



Ghi chú: → Ghi hàng ngày

Sơ đồ 2.5 Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

➤ Ví dụ: Ngày 31/7/2015, Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An lập bảng phân bổ tiền lương phải trả cho nhân viên và các khoản trích theo lương tháng 7/2015. Sau đó vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642.

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An					Mẫu số 11 - LĐT				
Bộ phận: Toàn công ty.					(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)				
BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI									
Tháng 07 năm 2015									
STT	Ghi có TK Đối tượng sử dụng (ghi Nợ các TK)	TK 334 - Phải trả người lao động			TK338 - Phải trả, phải nộp khác				Tổng cộng
		Lương trích bảo hiểm xã hội	Các khoản khác	Cộng Có TK 334	BHXH (26%)	BHYT (4.5%)	BHTN (2%)	Cộng Có TK 338	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	TK 642 - CP quản lý kinh doanh	74.200.000	4.250.000	78.450.000	13.356.000	2.226.000	742.000	14.597.000	96.917.442
2	TK 1545 – Chi phí lương lái xe	46.600.000	-	46.600.000	8.388.000	1.398.000	466.000	10.252.000	56.852.000
3	TK 334 - Phải trả người lao động	-	-	-	9.664.000	1.812.000	1.208.000	12.684.000	12.684.000
Cộng		120.800.000	4.250.000	125.050.000	31.408.000	5.436.000	2.416.000	37.533.000	166.453.442

Ngày 31 tháng 07 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12 Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Ngày 30/07/2015, Công ty thanh toán tiền thuê máy photo tháng 7/2015, số tiền là 1.000.000 chưa VAT 10%, thanh toán bằng tiền mặt.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số :01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu : AA/11P		
(Liên 2: Giao người mua)			Số :0004156		
Ngày 30 tháng 07 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH HÀ HÒA					
Địa chỉ : Số 15 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 031.3745762.....Fax: 0313979158					
MST : 0200405701					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An					
Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Mã số thuế: 0201187647					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Số tài khoản:.....		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Tiền thuê máy photo tháng 07/2015	tháng			1.000.000
Cộng tiền hàng:					1.000.000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			100.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, một trăm ngàn đồng chẵn./.					

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13 Hóa đơn GTGT số 4156

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

(theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính)

Số: PC0139

PHIẾU CHI

Ngày 30/07/2015

Nợ 6422: 1.000.000

Nợ 1331: 100.000

Có 1111: 1.100.000

Người nhận tiền: NGUYỄN THU TRANG - CÔNG TY TNHH HÀ HÒA

Địa chỉ: Số 15 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Lý do chi: Thanh toán tiền thuê máy photo tháng 07/2015.

Số tiền: 1.100.000 VNĐ.

Bằng chữ: Một triệu, một trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc : HĐ GTGT 0004156

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một triệu, một trăm ngàn đồng chẵn.*

Ngày 30 tháng 07 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

Biểu số 2.14 Phiếu chi số 128

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An
 Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
05/07	PC126	05/07	Chi tiền mua 3 kệ để giấy tờ	6422 1331 1111	1.500.000 150.000	1.650.000
.....
30/07	PC139	30/07	Thanh toán tiền thuê máy photo tháng 07/2015	6422 1331 1111	1.000.000 100.000	1.100.000
.....
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15 Sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng			Mẫu số: S03b – DNN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính			
SỔ CÁI Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh Số hiệu: 642 Năm 2015 Đơn vị tính: VNĐ						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
05/07	PC126	05/07	Chi tiền mua 3 kệ để giấy tờ	1111	1.500.000	
.....
30/07	PC139	30/07	TT tiền thuê máy photo tháng 07/2015	1111	1.000.000	
31/07	PC140	31/07	Thanh toán lương cho công nhân viên tháng 7	334	96.917.442	
.....
			Cộng số phát sinh		448.603.884	448.603.884
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16 Sổ cái tài khoản 642

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

2.2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính của công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng; chi phí hoạt động tài chính là trả lãi cho ngân hàng.

- Tài khoản sử dụng:
 - TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
 - TK 635 “Chi phí tài chính”
- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có, giấy báo nợ.
 - Phiếu kế toán.
 - Ủy nhiệm chi
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 515
 - Sổ cái TK 635
- Quy trình hạch toán:



Ghi chú: → Ghi hàng ngày

Sơ đồ 2.6 Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Ví dụ:

1) Ngày 30/8/2015, công ty nhận được Giấy báo có lãi tiền gửi tháng 8 của ngân hàng Á Châu, số tiền là 127.952 VNĐ.

2) Ngày 24/07/2015, công ty dùng ủy nhiệm chi trả lãi vay cho ngân hàng ACB, số tiền là 3.246.528 VNĐ.

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO CỐ

Mã GDV: TRAN HONG

Chi nhánh: ACB-Lê Chân, Hải Phòng Ngày 30/08/2015

ANH

Phòng

Mã KH: 44048

Số GD:

Kính gửi: Cty TNHH Thương mại xây dựng & vận tải Phúc Trường An

MST: 0201187647

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CỐ: 68996299

Số tiền bằng số: 127.952vnd

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 08/2015

Giao dịch viên

Kiểm soát

(đã ký)

Biểu số 2.17 Giấy báo có

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)



ỦY NHIỆM CHI / PAYMENT ORDER

Số / No 03/UNC

Ngày / Date 24/07/2015

----- **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / APPLICANT** -----

Tên tài khoản / Acct's Name : Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

Số tài khoản / Acct No. : 68996299

Tại ngân hàng Á Châu - chi nhánh / At ACB - Branch : Trần
Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

----- **ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG / BENEFICIARY** -----

Đơn vị thụ hưởng / Beneficiary

Ngân hàng Á Châu

Số tài khoản / Acct No.

CMND / Hộ chiếu / ID card / PP No..... Ngày cấp / Date Nơi cấp / Place

Tại ngân hàng / Beneficiary's Bank

Techcombank chi nhánh Ngô Quyền- Hải Phòng Tỉnh, TP / Hải Phòng
Province, City

Số tiền bằng chữ / Amount in words : Ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm hai mươi tám
đồng

Bằng số / In

3.246.528 đ

figures

Nội dung / Details : Trả lãi ngân hàng tháng 7/2015.....

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / Applicant		NGÂN HÀNG Á CHÂU / ACB		NGÂN HÀNG B / B Bank	
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày / Post Date		Ghi sổ ngày / Post Date	
Chief Accountant	Account Holder	Giao dịch viên Teller	Trưởng đơn vị Manager	Giao dịch viên Teller	Trưởng đơn vị Manager
.....

Biểu số 2.18 Ủy nhiệm chi

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An
 Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
24/07	UNC24/7	24/07	Trả lãi ngân hàng ACB tháng 7	635 1121	3.246.528	3.246.528
.....
30/08	GBC30/8	30/08	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 8/2015	515 1121	127.952	127.952
.....
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19 Sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng			Mẫu số: S03b – DNN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính			
SỔ CÁI Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu: 515 Năm 2015 Đơn vị tính: VNĐ						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
30/07	GBC30/7	30/07	Lãi tiền gửi NH ACB tháng 7/2015	1121		130.582
30/08	GBC30/8	30/08	Lãi tiền gửi NH ACB tháng 8/2015	1121		127.952
....
			Cộng số phát sinh		1.327.927	1.327.927
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20 Sổ cái tài khoản 515

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng			Mẫu số: S03b – DNN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính			
SỔ CÁI Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu: 635 Năm 2015 Đơn vị tính: VNĐ						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
24/07	UNC24/7	24/07	Trả lãi ngân hàng ACB tháng 7	1121	3.246.528	
...
25/08	UNC25/8	25/08	Trả lãi ngân hàng Vietinbank tháng 8	1121	4.025.695	
....
			Cộng số phát sinh		256.582.728	256.582.728
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21 Sổ cái tài khoản 635

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

2.2.3 Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

Thu nhập khác tại công ty là những khoản thu, góp vốn nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu. Chi phí khác tại công ty là những khoản chi của những hoạt động ngoài. Các hoạt động khác thường gồm: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, các khoản thu từ nợ phải thu khó đòi....

- Tài khoản sử dụng:
 - TK 711 “Thu nhập khác”
 - TK 811 “Chi phí khác”
- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 711
 - Sổ cái TK 811
- Quy trình hạch toán:



Ghi chú: → Ghi hàng ngày

Sơ đồ 2.7 Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Ví dụ: Ngày 12/09/2015, công ty thanh lý Rơ moóc 16R 1984 hiệu Tung Hua với giá 20.363.636 đ chưa VAT 10%. Nguyên giá tài sản là 38.895.328 đ, đã khấu hao 12.965.060 đ.

Kế toán định khoản: a)	Nợ 1121:	22.400.000
	Có 711:	20.363.636
	Có 3331:	2.036.364
b)	Nợ 811:	25.930.268
	Nợ 214:	12.965.060
	Có 211:	38.895.328

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng
và vận tải Phúc Trường An
Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy
Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02-TSCĐ
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 12 tháng 09 năm 2015

Số: TL01

Căn cứ Quyết định số: 48 ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ tài chính.....
.....Về việc thanh lý tài sản cố định.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông/Bà: **Nguyễn Thanh**.....Chức vụ **Giám đốc**.....Đại diệnTrưởng ban

Ông/Bà: **Hoàng Thị Mến**.....Chức vụ **Kế toán trưởng**.....Đại diệnỦy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ: **Rơ mooc**.....
- Số hiệu TSCĐ: **16R-1984**
- Nước sản xuất (xây dựng): **Mỹ**
- Năm sản xuất: **2009**
- Năm đưa vào sử dụng **2010**.....Số thẻ TSCĐ:
- Nguyên giá TSCĐ: **38.895.328đ**.....
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: **12.965.060đ**
- Giá trị còn lại của TSCĐ: **25.930.268đ**.....

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Rơ mooc vẫn hoạt động bình thường

Ngày 12 tháng 09 năm 2015

Trưởng Ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: **0**.....(viết bằng chữ)
- Giá trị thu hồi: **20.363.636đ**.....(viết bằng chữ) **Hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng./.**
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày .12..tháng .09..năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 12 tháng 09 năm 2015
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22 Biên bản nhượng bán tài sản cố định
(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV: NGTTHU

Chi nhánh: ACB-Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 12/09/2015

Mã KH:

Số GD:

Kính gửi: Cty TNHH Thương mại xây dựng & vận tải Phúc Trường An

MST: 0201187647

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 68996299

Số tiền bằng số: 22.400.000vnd

Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn ./.

Nội dung: Thu tiền thanh lý TSCĐ

Giao dịch viên

Kiểm soát

(đã ký)

Biểu số 2.23 Giấy báo có

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải
 Phúc Trường An
 Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy
 Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
 Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
12/09	GBC12/09	12/09	Thanh lý Rơ mooc 16R-1984 Tung Hua	1121 711 3331	22.400.000	20.363.636 2.036.364
12/09	BBTL01	12/09	Thanh lý Rơ mooc 16R-1984 Tung Hua	811 214 211	25.930.268 12.965.060	38.895.328
.....
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24 Sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng				Mẫu số: S03b – DNN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính		
SỔ CÁI Tên tài khoản: Thu nhập khác Số hiệu: 711 Năm 2015 Đơn vị tính: vnd						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
12/09	GBC12/09	12/09	Thanh lý Rơ moóc 16R1984	1121		20.363.636
....
			Cộng số phát sinh		20.363.636	20.363.636
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm
2015

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25 Sổ cái tài khoản 711

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

2.2.4 Tổ chức kế toán Chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là khoản thuế bắt buộc hàng năm doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước.

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Ví dụ: Ngày 29/04, công ty nộp thuế TNDN tạm tính quý I năm 2015, số tiền là 10.252.920đ.

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 29 tháng 04 năm 2015				
Số 32				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnd)
1	Tạm tính thuế TNDN quý I năm 2015	821	3334	10.252.920
	Tổng			10.252.920

Biểu số 2.27 Phiếu kế toán số 32

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An	Mẫu số 02-TT
Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng	(theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính)
PHIẾU CHI	Số: PC00093
Ngày 29/04/2015	Nợ 3334: 10.252.920
	Có 1111: 10.252.920
Người nhận tiền: NGUYỄN THỊ CÚC	
Địa chỉ/Bộ phận: Phòng kế toán	
Lý do chi: Thanh toán nộp thuế TNDN tạm tính quý I năm 2015.	
Số tiền: <u>10.252.920</u> vnd.	
Bằng chữ: Mười triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm hai mươi đồng.	
Kèm theo: 1 chứng từ gốc	
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm đồng chẵn.	

Ngày 04 tháng 07 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

Biểu số 2.28 Phiếu chi số 93

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và

Mẫu số: S03a – DNN

vận tải Phúc Trường An
 Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường
 Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
29/04	PKT32	29/04	Tạm tính thuế TNDN quý I năm 2015	821 3334	10.252.920	10.252.920
29/04	PC93	29/04	Thanh toán thuế TNDN tạm tính quý I/2015	3334 1111	10.252.920	10.252.920
.....
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.29 Sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng			Mẫu số: S03b – DNN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính			
SỔ CÁI Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN Số hiệu: 821 Năm 2015 Đơn vị tính: VNĐ						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
29/04	PKT32	29/04	Tạm tính thuế TNDN quý I năm 2015	3334	10.252.920	
					
			Cộng số phát sinh		42.804.018	42.804.018
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.30 Sổ cái tài khoản 821

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

2.2.5 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh. Báo cáo này không chỉ phục vụ cho nhà quản lý mà còn cho những đối tượng khác quan tâm: cục thuế, ngân hàng,... Vì vậy, báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách

quan. Nội dung báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Kết quả hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác.

➤ Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán.

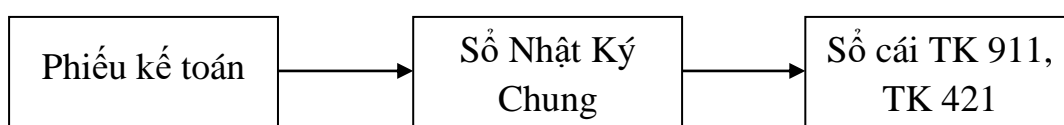
➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 421, 511, 515, 632, 635,...

Tài khoản kế toán sử dụng:

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”
- Các tài khoản liên quan khác: 511, 515, 632, 635,...

➤ Trình tự hạch toán:



Ghi chú: → Ghi hàng ngày

Sơ đồ 2.8 Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Ví dụ:

Ngày 21/12/2015, Kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển ở phiếu kế toán sau đó vào sổ nhật ký chung, và sổ cái TK 911.

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 121				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnd)
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113	911	11.181.836.329
	Tổng			11.181.836.329

Biểu số 2.31 Phiếu kế toán số 121

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 122				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.327.927
	Tổng			1.327.927

Biểu số 2.32 Phiếu kế toán số 122

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 123				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	10.258.390.922
	Tổng			10.258.390.922

Biểu số 2.33 Phiếu kế toán số 123

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 124				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	256.582.728
	Tổng			256.582.728

Biểu số 2.34 Phiếu kế toán số 124

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 125				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	448.603.884
	Tổng			448.603.884

Biểu số 2.35 Phiếu kế toán số 125

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 126				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển thu nhập khác	911	711	20.363.636
	Tổng			20.363.636

Biểu số 2.36 Phiếu kế toán số 126

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 127				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển chi phí khác	911	811	25.930.268
	Tổng			25.930.268

Biểu số 2.37 Phiếu kế toán số 127

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 128				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	42.804.018
	Tổng			42.804.018

Biểu số 2.38 Phiếu kế toán số 128

PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số 129				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (vnđ)
1	Kết chuyển lãi	911	421	171.216.072
	Tổng			171.216.072

Biểu số 2.39 Phiếu kế toán số 129

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN

Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ-BTC ngày

14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
31/12	PKT121	31/12	Kết chuyển TK 5113	5113 911	11.181.836.329	11.181.836.329
31/12	PKT122	31/12	Kết chuyển TK 515	515 911	1.327.927	1.327.927
31/12	PKT123	31/12	Kết chuyển TK 632	911 632	10.258.390.922	10.258.390.922
31/12	PKT124	31/12	Kết chuyển TK 635	911 635	256.582.728	256.582.728
31/12	PKT125	31/12	Kết chuyển TK 642	911 642	448.603.884	448.603.884
31/12	PKT126	31/12	Kết chuyển TK 711	711 911	20.363.636	20.363.636
31/12	PKT127	31/12	Kết chuyển TK 811	911 811	25.930.268	25.930.268
31/12	PKT128	31/12	Kết chuyển TK 821	911 821	42.804.018	42.804.018
31/12	PKT129	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	171.216.072	171.216.072
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.40 Sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng				Mẫu số: S03b – DNN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính		
SỔ CÁI Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh Số hiệu: 911 Năm 2015 Đơn vị tính: VNĐ						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
31/12	PKT121	31/12	Kết chuyển TK 511	5113		11.181.836.329
31/12	PKT122	31/12	Kết chuyển TK 515	515		1.327.297
31/12	PKT123	31/12	Kết chuyển TK 632	632	10.258.390.922	
31/12	PKT124	31/12	Kết chuyển TK 635	635	256.582.728	
31/12	PKT125	31/12	Kết chuyển TK 642	642	448.603.884	
31/12	PKT126	31/12	Kết chuyển TK 711	711		20.363.636
31/12	PKT127	31/12	Kết chuyển TK 811	811	25.930.268	
31/12	PKT128	31/12	Kết chuyển TK 821	821	42.804.018	
31/12	PKT129	31/12	Kết chuyển lãi	421	171.216.072	
			Cộng số phát sinh		123.000.199.619	123.000.199.619
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.41 Sổ cái tài khoản 911

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Người nộp thuế: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Mã số thuế: 0201187647

Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 031.3614588

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	11.181.836.329	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		11.181.836.329	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	10.258.390.922	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		923.445.407	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.327.927	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	256.582.728	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		253.558.628	
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		448.603.884	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 – 22) – (24 + 25))	30		219.586.722	
10. Thu nhập khác	31		20.363.636	
11. Chi phí khác	32		25.930.268	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(5.566.632)	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		214.020.090	
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	42.804.018	
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60		171.216.072	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Biểu số 2.43 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI PHÚC TRƯỜNG AN.

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Những khủng hoảng, biến động của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm gần đây. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty đang phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được những thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được trong công tác kế toán. Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An với đề tài nghiên cứu “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An**”, em xin đưa ra một số nhận xét như sau:

3.1.1 Ưu điểm:

➤ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động:

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với quy mô và loại hình hoạt động của công ty. Các phòng ban hoạt động khá hiệu quả, nhanh chóng.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, mỗi kế toán viên đảm nhận chức năng, nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy trình độ chuyên môn của từng người. Các cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ, chuyên môn vững vàng, có lòng nhiệt tình và yêu nghề, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

➤ Về hạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung công ty thực hiện đúng các chuẩn mực kế toán và chế độ đã ban hành. Chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và nghiệp vụ phát sinh. Thông tin trên chứng từ đầy đủ, chính xác. Trình tự luân chuyển đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung có ưu điểm là tránh được ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý và tổng hợp số liệu báo cáo. Hệ thống tài khoản kế toán được công ty áp dụng theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

➤ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm doanh thu biến động được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu. Các chi phí phát sinh đều được ghi chép cẩn thận, đầy đủ giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí hợp lý, hợp lệ một cách chặt chẽ. Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã đáp ứng phần nào về việc cung cấp thông tin tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả hơn trong tương lai.

3.1.2 Nhược điểm:

Tuy công ty đã xây dựng bộ máy quản lý cũng như bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện nhưng vẫn còn những hạn chế cần khắc phục:

➤ Về ứng dụng phần mềm kế toán:

Công việc ghi chép hạch toán kế toán chưa có phần mềm kế toán riêng mà vẫn dùng những phần mềm thông thường như word, excel. Khối lượng công việc lớn, gây khó khăn cho kế toán và đôi khi công việc bị chậm trễ, gây áp lực.

➤ Về quá trình luân chuyển chứng từ:

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên trong quá trình luân chuyển giữa các bộ phận, phòng ban này lại không có phiếu giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, thất lạc. Quá trình luân chuyển chứng từ từ các phòng ban đến phòng kế toán công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và chuyển đến vào cùng một thời điểm, điều này gây ra tình trạng ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán dẫn đến khi hạch toán dễ bị sai sót, nhầm lẫn.

➤ Về việc dự phòng những thiệt hại trong kinh doanh:

Với đặc thù là công ty dịch vụ vận tải, không giống như các loại hình doanh nghiệp khác, công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An lại có phát sinh những thiệt hại như xe phải sửa chữa lớn, xe hỏng dọc đường đang lưu thông hay những thiệt hại bất thường khác như xe bị tai nạn hay vi phạm luật giao thông,... Nếu chưa có khoản trích trước chi phí cho những hoạt động này thì đến khi nó phát sinh sẽ đặt doanh nghiệp vào tình thế bị động, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

➤ Việc áp dụng hình thức ưu đãi trong kinh doanh:

Trong quá trình tiêu thụ hàng hóa nói chung với các doanh nghiệp, khách hàng luôn muốn sử dụng những dịch vụ tốt nhất với nhiều ưu đãi. Việc công ty không sử dụng hai tài khoản 5212 “hàng bán bị trả lại” và 5213 “giảm giá hàng bán” là hợp lý vì đặc thù doanh nghiệp là kinh doanh vận tải. Nhưng riêng việc công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại với tài khoản 5211 cho khách hàng là một bất lợi. Thực tế cho thấy rằng, với các doanh nghiệp cho bên mua hưởng một số tiền chiết khấu sử dụng dịch vụ với khối lượng lớn là một biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng. Nếu công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại là công ty đã làm mất cơ hội mở rộng thị trường, mất đi các khách hàng thường xuyên.

➤ Về việc thu hồi nợ:

Các khách hàng của công ty đa phần là các khách hàng truyền thống nhưng lại thanh toán chậm dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn, ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy nhiên công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, cũng như chưa tiến hành trích các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty cũng chưa có những chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn. Thực tế cho thấy, việc chiết khấu thanh toán cho người mua khi thanh toán trước hạn sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, tăng khả năng thu hồi vốn, giảm các khoản đi vay cho công ty.

3.2 Biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp, công ty tư nhân cạnh tranh hết sức gay gắt. Do vậy mỗi doanh nghiệp cần nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty mình để từ đó đưa ra những biện pháp nâng cao năng suất hoạt động. Việc xác định kết quả kinh doanh ảnh hưởng lớn đến sự quyết định đầu tư và hợp tác với đối tác làm ăn và nhà đầu tư. Vì vậy, thông tin phòng kế toán cung cấp là hết sức quan trọng.

Trên thực tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chỉ dừng ở mức độ ghi chép những con số phản ánh thông tin kế toán mà chưa đưa ra những biện pháp làm tăng doanh thu, giảm chi phí,... hay những mục tiêu, phương hướng cho doanh nghiệp trong thời gian tới. Do đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải hoàn thiện hơn để phù hợp với tình hình và yêu cầu quản lý hiện nay.

3.2.2 Yêu cầu và phương hướng để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác, sẽ giúp ích cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đối với cơ quan thuế; giúp cho việc thu hồi vốn và lãi đối với ngân hàng; thể hiện năng lực của doanh nghiệp và tạo lòng tin với khách hàng; giúp cho việc quản lý, điều hành đưa ra phương hướng và kế hoạch cho kỳ kinh doanh tiếp theo của ban lãnh đạo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều đặc biệt quan trọng cho doanh nghiệp và các bên liên quan.

- Đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả thiết thực, khả thi.

3.2.3 Biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An, được sự chỉ bảo tận tình của các nhân viên phòng kế toán, em đã có cơ hội tìm hiểu hoạt động kinh doanh cùng thực trạng công tác kế toán tại công ty. Em xin đưa ra một số ý kiến về biện pháp hoàn thiện những tồn tại trong quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

➤ *Biện pháp 1: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán:*

Trên thực tế đã có rất nhiều doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán để đưa vào công tác hạch toán kế toán. Với cách ứng dụng khoa học công nghệ này sẽ giảm bớt công việc cho người làm kế toán cũng như giúp cho việc đưa ra các báo cáo nhanh chóng và chính xác hơn.

Hiện tại công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An đã có sự hỗ trợ của phần mềm Excel song đối với công tác kế toán vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất.

Công ty có thể mua các phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp và nổi tiếng trên thị trường như:

- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA.

Đây là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán, triển khai cho mọi lĩnh vực kinh doanh: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục thuế. Kết nối dịch vụ với kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan thuế.

Gói sản phẩm	Đơn giá (vnd)	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
Starter	2.950.000	gói	- Phần mềm đầy đủ 16 phân hệ. - Được nhập tối đa là 1.000 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000	gói	- Phần mềm MISA SME.NET 2015 : 11 phân hệ. - Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào.
Professional	8.950.000	gói	- Phần mềm MISA SME.NET 2015 : 13 phân hệ. - Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào.
Enterprise	10.950.000	gói	- Phần mềm MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. - Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào.

Bảng 3.1 Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA 2016.



Hình 3.1 Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

- Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST:

Đây là phần mềm kế toán của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm (vnđ)
Dịch vụ (12 phân hệ)	6.000.000
Thương mại (13 phân hệ)	8.000.000
Xây lắp (14 phân hệ)	10.000.000
Sản xuất (16 phân hệ)	12.000.000

Bảng 3.2 Bảng báo giá phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015



Hình 3.2 Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

➤ **Biện pháp 2: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ**

Tùy vào từng thời điểm trong kỳ kế toán mà các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít, dựa vào điều này công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời, chính xác, tránh được tình trạng lúc nhiều quá lúc lại nhàn rỗi quá cho kế toán viên.

Thêm nữa công ty nên có phiếu giao nhận chứng từ để đảm bảo việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, các bộ phận được thuận lợi, các nhân viên có ý thức hơn trong việc bảo quản chứng từ, cũng dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm, giải quyết, quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, thất lạc.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI PHÚC TRƯỜNG AN Địa chỉ: Số 277 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng					
PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ Ngày... Tháng... Năm					
STT	Loại chứng từ	Số hiệu	Số lượng	Bên giao	Bên nhận
....
				Ngày... tháng... năm	
Đại diện bên giao (ký, ghi rõ họ tên)				Đại diện bên nhận (ký, ghi rõ họ tên)	

➤ **Biện pháp 3: Về việc áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng**

Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành.

- Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

Thứ nhất: Chiết khấu thương mại ngoài hóa đơn. Trên hóa đơn tổng số doanh thu và tổng số phải trả của khách hàng theo đúng giá trị dịch vụ đã cung cấp. Khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng sẽ hạch toán vào tài khoản 5211.

Thứ hai: Chiết khấu thương mại trong hóa đơn. Trên hóa đơn phản ánh giá đã trừ đi khoản chiết khấu thương mại, khoản chiết khấu thương mại này sẽ không được hạch toán vào tài khoản 5211 nữa.

- Phương pháp hạch toán

+ Với phần chiết khấu thương mại ngoài hóa đơn:

Khi phản ánh số chiết khấu thương mại phát sinh, kế toán ghi:

Nợ 5211: Số chiết khấu khách hàng được hưởng

Nợ 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có 111, 112: Thanh toán ngay

Có 131: Trừ vào công nợ

Khi kết chuyển số chiết khấu thương mại để xác định doanh thu thuần:

Nợ 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có 5211: Chiết khấu thương mại

+ Với chiết khấu thương mại trừ trong hóa đơn:

Nợ 131, 111, 112: Số tiền đã trừ khoản chiết khấu

Có 3331: Thuế GTGT

Có 511: Doanh thu đã trừ chiết khấu thanh toán.

➤ ***Biện pháp 4: Về việc thu hồi nợ và áp dụng chiết khấu thanh toán***

Công tác thu hồi nợ của công ty còn nhiều hạn chế, nhiều khoản thu đến ngày mà không thể thu được. Công ty nên áp dụng một số biện pháp như:

- Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi khách hàng mua hàng mà chưa thanh toán: lựa chọn khách hàng cho chậm thanh toán, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc hay trả trước một phần đơn hàng,...

- Xem xét khả năng thanh toán của khách hàng để đưa ra chính sách phù hợp.

- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng dịch vụ, nếu vượt quá thời gian thanh toán trong hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với mức lãi suất quá hạn Ngân hàng tại thời điểm hiện tại.

- Có những chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty. Để áp dụng chiết khấu thanh toán một cách có hiệu quả trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng

- Thời gian thanh toán tiền hàng

- Dựa vào mức chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành

- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp

Phương pháp hạch toán: Thông qua tài khoản 635 “chi phí tài chính”.

+ Khi công ty phát sinh khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ 635 : Số tiền chiết khấu thanh toán
 Có 111, 112, 131: Số tiền trả lại, giảm nợ cho khách hàng
 + Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:
 Nợ 911: Xác định kết quả kinh doanh
 Có 635: Số tiền chiết khấu thanh toán

➤ **Biện pháp 5: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên Báo cáo tài chính của năm báo cáo.

- Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi: Nợ phải thu đã quá hạn trên hợp đồng kinh tế. Nợ phải thu chưa đến hạn nhưng doanh nghiệp đối tác lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể,...

- Phương pháp xác định: Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp vào loại khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất.

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Theo thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ tài chính có quy định mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

- Phương pháp hạch toán: Sử dụng tài khoản 1592 “dự phòng phải thu khó đòi”

Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí.

Nợ 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có 1592: Số dự phòng phải thu khó đòi kỳ này lớn hơn kỳ trước

Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập kỳ này nhỏ hơn số ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì được ghi giảm trừ chi phí.

Nợ 1592: Số dự phòng phải thu khó đòi kỳ này

Có 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nếu xóa nợ phải thu khó đòi:

Nợ 1592: Đã trích lập quỹ dự phòng

Nợ 6422: Chưa trích lập quỹ dự phòng

Có 131, 138

Các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi quyết định xử lý xóa sổ, vẫn phải theo dõi trên sổ kế toán trong thời gian tối thiểu 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi nợ. Khi thu hồi được nợ, kế toán ghi:

Nợ 111, 112,...

Có 711: Thu nhập khác

➤ ***Biện pháp 6: Trích trước chi phí đề phòng thiệt hại trong kinh doanh***

Đối với các công ty dịch vụ, nhất là dịch vụ vận tải, những khoản thiệt hại trong quá trình lưu thông luôn thường trực trên mỗi tuyến đường. Vì vậy, công ty phải có kế hoạch trích trước những chi phí nhất định và thường trực cho những thiệt hại đó. Dựa vào kết quả kinh doanh năm trước, công ty sẽ đưa ra kế hoạch chi tạm thời về chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và sử dụng tài khoản 335 “chi phí phải trả”. Đây là tài khoản hạch toán những chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi phát sinh sẽ không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

- Khi trích trước chi phí kinh doanh số chi sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Có 335: Chi phí phải trả

- Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí ghi:

Nợ 642: Nếu số đã chi lớn hơn số trích trước

Nợ 335: Số đã trích trước

Có 241: Tổng chi phí thực tế phát sinh

Có 642: Nếu số đã chi nhỏ hơn số trích trước

KẾT LUẬN

Với đề tài nghiên cứu: **“Tổng quan các phần hành kế toán tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An”** một lần nữa em có thể khẳng định kế toán rất quan trọng trong quản lý kinh tế. Kế toán không những giúp cho các nhà quản trị trong công ty nắm bắt những thông tin cần thiết để có thể đưa ra những biện pháp quản lý và hướng điều chỉnh phù hợp với sản xuất.

Thời gian qua Công ty đã có nhiều cố gắng trong sản xuất kinh doanh và gặt hái được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại không ít những khó khăn trong quá trình phát triển, đòi hỏi Công ty phải xây dựng chiến lược hoạch định phát triển lâu dài, tổ chức sản xuất kinh doanh một cách khoa học, áp dụng triệt để các công nghệ tiên tiến trong mọi lĩnh vực nhằm mục tiêu lợi nhuận đạt max mà chi phí min, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An, em có cơ hội hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty học hỏi được rất nhiều từ thực tế cuộc sống cũng như thực tế chuyên môn. Vì điều kiện thời gian có hạn, kiến thức thực tế chưa nhiều, chuyên đề này sẽ không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Vì vậy em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn cùng các bác, các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Phúc Trường An đã giúp em hoàn thành bài báo cáo thực tập tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên thực tập

Vũ Thị Ngọc Loan